

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về đăng ký thuế¹

Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 2 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 2 năm 2025;

- Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về đăng ký thuế.²

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, cấu trúc mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Quản lý thuế; thủ tục về đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý thuế và biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với đăng ký thuế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý thuế đối với đăng ký thuế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Đơn vị chủ quản” là người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc.
2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gọi chung là “hợp tác xã”.
3. “Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã” là chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.
4. “Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã” được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.
5. “Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác” là chi nhánh, văn phòng đại diện, nơi cụ thể khác tiến hành hoạt động, kinh doanh của tổ chức.

² Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 19 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

6. “Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” là cửa hàng, cửa hiệu hoặc nơi cụ thể khác tiến hành hoạt động, kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

7. Hợp đồng, hiệp định để tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí gọi chung là “hợp đồng dầu khí”.

8. “Cơ quan chi trả thu nhập” là tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác cho người nộp thuế là cá nhân theo quy định pháp luật thuế và pháp luật về quản lý thuế.

9. “Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế” là một cấu phần của Hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung do Tổng cục Thuế xây dựng, quản lý, sử dụng thống nhất trong toàn ngành thuế để thực hiện công tác quản lý thuế về đăng ký thuế.

10. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh gọi chung là “Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh”.

Điều 4. Đối tượng đăng ký thuế

1. Đối tượng đăng ký thuế bao gồm:

a) Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế thông qua cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.

b) Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.

2. Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, bao gồm:

a) Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi là Tổ chức kinh tế).

b) Đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác nhưng không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã (sau đây gọi là Tổ chức kinh tế).

c) Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Tổ chức khác).

d) Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại (sau đây gọi là Tổ chức khác).

đ) Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam (sau đây gọi là Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài).

e) Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (sau đây gọi là Nhà cung cấp ở nước ngoài).

g) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho người nộp thuế khác phải kê khai và xác định nghĩa vụ thuế riêng so với nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (trừ cơ quan chi trả thu nhập khi khấu trừ, nộp thay thuế thu nhập cá nhân); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài (sau đây gọi là Tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay). Tổ chức chi trả thu nhập khi khấu trừ, nộp thay thuế thu nhập cá nhân sử dụng mã số thuế đã cấp để khai, nộp thuế thu nhập cá nhân khấu trừ, nộp thay.

h) Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

i) Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

k) Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh).

l) Cá nhân là người phụ thuộc theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

m) Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu.

n) Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Điều 5. Cấu trúc mã số thuế

1. Mã số thuế bao gồm mã số thuế dành cho doanh nghiệp, tổ chức và mã số thuế dành cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân. Trong đó:

a) Mã số thuế dành cho doanh nghiệp, tổ chức do cơ quan thuế cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

b) Mã số thuế dành cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân là mã số thuế do cơ quan thuế cấp đối với các trường hợp quy định tại điểm a, đ, e, h khoản 4 Điều này; là số định danh cá nhân do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước đối với trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Cấu trúc mã số thuế do cơ quan thuế cấp

$$N_1N_2 N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 N_{10} - N_{11}N_{12}N_{13}$$

Trong đó:

- Hai chữ số đầu N_1N_2 là số phân khoảng của mã số thuế.
- Bảy chữ số $N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$ được quy định theo một cấu trúc xác định, tăng dần trong khoảng từ 0000001 đến 9999999.
- Chữ số N_{10} là chữ số kiểm tra.
- Ba chữ số $N_{11}N_{12}N_{13}$ là các số thứ tự từ 001 đến 999.
- Dấu gạch ngang (-) là ký tự để phân tách nhóm 10 chữ số đầu và nhóm 3 chữ số cuối.

3. Mã số doanh nghiệp, mã số hợp tác xã, mã số tổ hợp tác, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã được cấp theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác là mã số thuế.

4. Phân loại cấu trúc mã số thuế do cơ quan thuế cấp

a) Mã số thuế 10 chữ số được sử dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân nhưng trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế (sau đây gọi là đơn vị độc lập); cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Mã số thuế 13 chữ số và dấu gạch ngang (-) dùng để phân tách giữa 10 số đầu và 3 số cuối được sử dụng cho đơn vị phụ thuộc và các đối tượng khác quy định tại điểm c, e, g của khoản này.

c) Người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại điểm a, b, c, d, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân nhưng trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ nghĩa vụ thuế trước pháp luật được cấp mã số thuế 10 chữ số. Các đơn vị phụ thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật của người nộp thuế này nếu phát sinh nghĩa vụ thuế và trực tiếp khai thuế, nộp thuế được cấp mã số thuế 13 chữ số.

d) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này đăng ký nộp thuế nhà thầu trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 chữ số theo từng hợp đồng. Trường hợp có nhiều nhà thầu nước ngoài thuộc diện nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế trên cùng một hợp đồng nhà thầu ký với bên Việt Nam và các nhà thầu có nhu cầu kê khai, nộp thuế riêng thì mỗi nhà thầu nước ngoài được cấp riêng một mã số thuế 10 số.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài liên danh với các tổ chức kinh tế Việt Nam để tiến hành kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng thầu và các bên tham gia liên danh thành lập ra Ban Điều hành liên danh, Ban Điều hành liên danh thực hiện hạch toán kế toán, có tài khoản tại ngân hàng, chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn; hoặc tổ chức kinh tế tại Việt Nam tham gia liên danh chịu trách nhiệm hạch toán chung và chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh thì được cấp mã số thuế 10 chữ số để kê khai, nộp thuế cho hợp đồng thầu.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam đã được bên Việt Nam kê khai, khấu trừ nộp thuế thay về thuế nhà thầu thì nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được cấp một mã số thuế 10 chữ số để kê khai tất cả các nghĩa vụ thuế khác (trừ thuế nhà thầu) tại Việt Nam và cung cấp mã số thuế cho bên Việt Nam.

đ) Nhà cung cấp ở nước ngoài theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư này chưa có mã số thuế tại Việt Nam khi đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được cấp mã số thuế 10 chữ số. Nhà cung cấp ở nước ngoài sử dụng mã số thuế đã được cấp để trực tiếp kê khai, nộp thuế hoặc cung cấp mã số thuế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền hoặc cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế và kê khai vào Bảng kê về khấu trừ thuế của nhà cung cấp ở nước ngoài tại Việt Nam.

e) Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thay theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cấp mã số thuế 10 chữ số (sau đây gọi là mã số thuế nộp thay) để kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, nhà cung cấp ở nước ngoài, tổ chức và cá nhân có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh. Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này được bên Việt Nam kê khai, nộp thay thuế nhà thầu thì được cấp mã số thuế 13 chữ số theo mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam để thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế nhà thầu tại Việt Nam.

Khi người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và khôi phục mã số thuế theo quy định đối với mã số thuế của người nộp thuế thì mã số thuế nộp thay được cơ quan thuế cập nhật tương ứng theo thông tin, trạng thái mã số thuế của người nộp thuế. Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ theo quy định tại Chương II, Chương III Thông tư này đối với mã số thuế nộp thay.

g) Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi dầu, khí được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cấp mã số thuế 10 chữ số theo từng hợp đồng dầu khí hoặc văn bản thoả thuận hoặc giấy tờ tương đương khác. Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí được cấp mã số thuế 13 chữ số theo mã số thuế 10 số của từng hợp đồng dầu khí để thực hiện nghĩa vụ thuế riêng theo hợp đồng dầu khí (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí). Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí được cấp mã số thuế 13 chữ số theo mã số thuế 10 số của từng hợp đồng dầu khí để kê khai, nộp thuế đối với phần lãi được chia theo từng hợp đồng dầu khí.

h) Tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư này có một hoặc nhiều hợp đồng ủy nhiệm thu với một cơ quan thuế thì được cấp một mã số thuế nộp thay để nộp khoản tiền đã thu của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

5. Số định danh cá nhân của công dân Việt Nam do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số được sử dụng thay cho mã số thuế của người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc quy định tại điểm k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này; đồng thời, số định danh cá nhân của người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng được sử dụng thay cho mã số thuế của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó.

Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế

1. Hồ sơ của người nộp thuế

Hồ sơ đăng ký thuế gồm hồ sơ đăng ký thuế lần đầu; hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn; hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế; hồ sơ khôi phục mã số thuế được tiếp nhận theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 41 Luật Quản lý thuế.

2. Tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế

a) Đối với hồ sơ bằng giấy:

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả đối với hồ sơ thuộc diện cơ quan thuế phải trả kết quả cho người nộp thuế, thời hạn xử lý hồ sơ đối với từng loại hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 19/2021/TT-BTC).

3. Tiếp nhận quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác liên quan đến đăng ký thuế của người nộp thuế từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền

a) Đối với quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác bằng giấy:

Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi ngày nhận vào quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác đã tiếp nhận.

Trường hợp quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác gửi bằng đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận vào quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác đã tiếp nhận và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

b) Đối với quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác bằng điện tử: Việc tiếp nhận quyết định, văn bản hoặc giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng điện tử được thực hiện theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính, thuế.

Chương II

THỦ TỤC VỀ ĐĂNG KÝ THUẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ TỔ CHỨC

Mục 1

ĐĂNG KÝ THUẾ LẦN ĐẦU

Điều 7. Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu

Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với tổ chức đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 32 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Đối với người nộp thuế là tổ chức quy định tại điểm a, b, c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này

a) Tổ chức kinh tế và các đơn vị phụ thuộc (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

a.1) Hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

a.2) Hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

b)³ Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc theo quy định tại điểm b, c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Chi cục Thuế khu vực nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

b.1) Hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

b.2) Hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

³ Tiêu đề tại điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều này) nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.

4. Đối với người nộp thuế là nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay theo quy định của pháp luật về quản lý thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

5. Đối với người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư này trực tiếp đăng ký thuế thì thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 76 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

6. Đối với người nộp thuế là tổ chức khấu trừ nộp thay và tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại điểm g, m khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế như sau:

a) Tổ chức khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK.

b) Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh.

c) Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế ký hợp đồng ủy nhiệm thu. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Đối với người nộp thuế quy định tại điểm h khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở hoặc tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người nộp thuế được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý.

a) Hồ sơ đăng ký thuế của người điều hành, công ty điều hành chung và doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phân lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là người điều hành) gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, hoặc Giấy phép đầu tư.

b) Hồ sơ đăng ký thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phân lãi được chia) gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Hồ sơ đăng ký thuế đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thông báo mã số thuế

Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thông báo mã số thuế được cấp cho tổ chức đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. “Giấy chứng nhận đăng ký thuế” mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. “Thông báo mã số thuế nộp thay” mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký thuế để khấu trừ thuế và nộp thuế thay theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

3. Cơ quan thuế thực hiện xử lý hồ sơ đăng ký thuế lần đầu và trả kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế là tổ chức qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả qua bộ phận một cửa của cơ quan thuế hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

Điều 9. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thông báo mã số thuế

Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thông báo mã số thuế được cấp lại theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Trường hợp bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, người nộp thuế gửi Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

2. Cơ quan thuế thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả qua bộ phận một cửa của cơ quan thuế hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

Mục 2

THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 10. Địa điểm nộp và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế

Địa điểm nộp và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Thay đổi thông tin đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp

a) Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế cùng với việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh.

b) Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp như sau:

b.1) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, đ, h, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này, gồm:

- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

b.2) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

b.3) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định tại Điều 76 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

c) Người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí quy định tại điểm h khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí, nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi người điều hành đặt trụ sở hoặc tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người điều hành được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý.

Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

2.⁴ Thay đổi thông tin đăng ký thuế làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp

a) Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi có thay đổi địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

a.1) Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi) để thực hiện các thủ tục về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Hồ sơ nộp tại cơ quan thuế nơi chuyển đi, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

a.2) Sau khi nhận được Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này của cơ quan thuế nơi chuyển đi, người nộp thuế thực hiện đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh.

b) Người nộp thuế thuộc diện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, h, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi có thay đổi địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện như sau:

b.1) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đi

Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi). Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cụ thể như sau:

- Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, đ, h, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này, gồm:

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

- Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

b.2) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đến

b.2.1) Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi chuyển đến trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này. Cụ thể:

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, d, đ, h khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ tổ hợp tác) nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế khu vực nơi đặt trụ sở mới.

- Người nộp thuế là tổ hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực nơi đặt trụ sở mới.

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm c, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế khu vực nơi người nộp thuế đóng trụ sở (tổ chức do

cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tại Đội thuế thuộc Chi cục Thuế khu vực nơi tổ chức đóng trụ sở (tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập).

b.2.2) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, gồm:

- Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/DK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

Điều 11. Xử lý hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế và trả kết quả

Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế được xử lý theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Người nộp thuế thay đổi các thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này

a) Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

b) Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

2. Người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này

a) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đi:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ không thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), đồng thời người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

Quá thời hạn nêu trên, trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi thì thời hạn cơ quan thuế nơi chuyển đi ban

hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này được xác định lại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế nơi chuyển đi.

Việc xác định người nộp thuế thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Người nộp thuế chuyển địa điểm hoạt động kinh doanh tại trụ sở chính, nếu tiếp tục có hoạt động kinh doanh khác địa bàn cấp tỉnh với địa bàn nơi đóng trụ sở chính và có nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế với cơ quan thuế quản lý trên địa bàn cấp tỉnh đó theo quy định của pháp luật quản lý thuế (cơ quan thuế quản lý khoản thu) thì không phải thực hiện chuyển nghĩa vụ thuế theo quy định tại điểm này.

b) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đến:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

3. Xử lý đối với người nộp thuế đã hoàn thành chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi nhưng không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh) hoặc tại cơ quan thuế nơi chuyển đến (đối với người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì phải có Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế nơi chuyển đi. Cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm mẫu số 36/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế.

b) Sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, nếu người nộp thuế không nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh, hoặc đã nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng hồ sơ không được chấp thuận, hoặc không nộp hồ sơ cho cơ quan thuế nơi chuyển đến, và người nộp thuế không có văn bản đề nghị hủy chuyển địa điểm theo quy định tại điểm a khoản này gửi cơ quan thuế nơi chuyển đi thì cơ quan thuế nơi chuyển đến ban hành Thông báo giải trình, bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi người nộp thuế, đồng thời gửi thông báo qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế theo thông tin người nộp thuế đã đăng ký.

c) Sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đến ban hành Thông báo theo quy định tại điểm b khoản này gửi người nộp thuế mà người nộp thuế không nộp Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này hoặc không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở, không giải trình hoặc giải trình nhưng không được cơ quan thuế chấp thuận, cơ quan thuế nơi chuyển đến thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký chuyển đến.

c.1) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chuyển đến, cơ quan thuế nơi chuyển đến yêu cầu người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-XMHĐ ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế nơi chuyển đến theo quy định.

c.2) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chuyển đến, cơ quan thuế nơi chuyển đến phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an quản lý địa bàn) lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-XMHĐ ban hành kèm theo Thông tư này, gửi biên bản xác minh cho cơ quan thuế nơi chuyển đi ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ký biên bản. Cơ quan thuế nơi chuyển đi căn cứ biên bản xác minh của cơ quan thuế nơi chuyển đến thực hiện ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 16/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, cập nhật trạng thái mã số thuế và công khai thông tin theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

Mục 3

TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH

Điều 12. Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

Khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn, người nộp thuế thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế, Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện gửi Thông báo mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

2. Sau khi cơ quan thuế đã ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 và điểm b khoản 1 Điều 19 Thông tư này trước khi đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 và điểm b khoản 1 Điều 19 Thông tư này nhưng được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Điều 13. Xử lý Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

Việc xử lý Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của người nộp thuế; xử lý Văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Đối với Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của người nộp thuế:

Cơ quan thuế thực hiện xử lý hồ sơ và ban hành Thông báo chấp thuận/ hoặc không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh mẫu số 27/TB-ĐKT, Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản mẫu số 33/TB-ĐKT (nếu có), Thông báo về việc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản mẫu số 34/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này gửi người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

2. Đối với văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Cơ quan thuế cập nhật thông tin tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của người nộp thuế vào hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Mục 4

CHẤM DỨT HIỆU LỰC MÃ SỐ THUẾ

Điều 14. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế là văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật Quản lý thuế và các giấy tờ khác như sau:

a) Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại điểm a, b, c, d, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này

a.1) Đối với đơn vị chủ quản, hồ sơ là một trong các giấy tờ sau: Bản sao quyết định giải thể, bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, bản sao thông báo chấm dứt hoạt động, bản sao quyết định chuyển đổi.

Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc đã được cấp mã số thuế 13 chữ số thì đơn vị chủ quản phải có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động gửi cho các đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc gửi cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc với cơ quan quản lý thuế quản lý các nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc sau khi mã số thuế của đơn vị phụ thuộc đã chấm dứt hiệu lực.

a.2) Đối với đơn vị phụ thuộc, hồ sơ là một trong các giấy tờ sau: Bản sao quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí; nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại điểm đ, h khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được cấp mã số thuế theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư này), hồ sơ là: Bản sao bản thanh lý hợp đồng, hoặc bản sao văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã trước khi nộp hồ sơ để chấm dứt hoạt động doanh nghiệp, hợp tác xã do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), Luật Hợp tác xã (đối với hợp tác xã) và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật khác có liên quan không quy định thời hạn người nộp thuế phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh,

văn phòng đại diện. Hồ sơ gồm Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này và các giấy tờ khác như sau:

a) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất là một trong các giấy tờ sau: Bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập.

b) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là một trong các giấy tờ sau: Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, trước khi nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm cả trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định. Hồ sơ gồm Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này và các giấy tờ khác như sau:

a) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã giải thể là một trong các giấy tờ: Bản sao nghị quyết hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp, nghị quyết giải thể hợp tác xã, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là một trong các giấy tờ: Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ hợp tác là một trong các giấy tờ: Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, Bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quyết định, thông báo, giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Giao dịch trao đổi thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế về: Quyết định giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; hồ sơ

đăng ký chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã do chia, hợp nhất, sáp nhập; hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; Thông báo giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã; Thông báo chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã do chia, hợp nhất, sáp nhập; Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã; Thông báo tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.

b) Quyết định, Thông báo thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Văn bản tương đương của cơ quan cấp phép.

c) Quyết định Tuyên bố phá sản của Tòa án.

d) Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 11, Điều 17 Thông tư này.

Điều 15. Các nghĩa vụ người nộp thuế phải hoàn thành trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ về hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

2. Người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế và xử lý số tiền thuế nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ (nếu có) theo quy định tại Điều 43, 44, 47, 60, 67, 68, 70, 71 Luật Quản lý thuế với cơ quan quản lý thuế, bao gồm cả các nghĩa vụ theo mã số thuế nộp thay (nếu có).

3. Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc thì toàn bộ các đơn vị phụ thuộc phải hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

Điều 16. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả

1. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này:

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

a.1) Ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a.2) Phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước để quyết toán nghĩa vụ của người nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu (nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ về hóa đơn và xử lý số tiền thuế nộp thừa, số thuế giá

trị gia tăng chưa được khấu trừ (nếu có)), xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật.

a.3) Thực hiện thủ tục bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ đối với các nghĩa vụ của người nộp thuế khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ, hoặc vẫn còn số nợ thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan hải quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản.

Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ, hoặc vẫn còn số nợ thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, các đơn vị mới thành lập từ đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất đã có thỏa thuận về việc kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thì cơ quan hải quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất, các đơn vị mới, cơ quan thuế quản lý trực tiếp các đơn vị mới.

a.4) Đề nghị cơ quan Hải quan thực hiện xác nhận việc người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a.5) Ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang

đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định tại điểm a.3 khoản này.

b) Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

b.1) Thực hiện các công việc quy định tại điểm a.2, a.3 khoản này đối với các khoản thu phát sinh trên địa bàn.

b.2) Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

2. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này:

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng quy định về ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này được thay bằng Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp

a) Đối với quyết định giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã, thông báo tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này:

a.1) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng quy định về ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này được thay bằng Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

a.2) Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Đối với hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã do chia, hợp nhất, sáp nhập; hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển đến theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này

b.1) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

- Ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo

Thông tư này trong trường hợp người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ của cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Ban hành Thông báo về việc yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 29/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế để thực hiện các thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

b.2) Cơ quan thuế quản lý khoản thu chưa thực hiện các quy định để chấm dứt theo dõi nghĩa vụ đối với khoản thu phát sinh trên địa bàn mà sẽ thực hiện khi người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này theo thông báo của cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

c) Đối với hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã: Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế thực hiện cập nhật thông tin chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh theo mã số địa điểm kinh doanh và mã số thuế đơn vị chủ quản địa điểm kinh doanh vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế.

d) Đối với Thông báo giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã; Thông báo chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác do cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển đến theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp cập nhật mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái “NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” ngay trong ngày nhận được Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh nếu người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế.

đ) Đối với Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Quyết định, Thông báo thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Văn bản tương đương theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 14 Thông tư này (Quyết định, Thông báo thu hồi giấy phép)

đ.1) Trường hợp thu hồi để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Khi cơ quan thuế quản lý trực tiếp nhận được Quyết định, Thông báo thu hồi giấy phép của cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thuế cập nhật thông tin mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế”.

đ.2) Trường hợp thu hồi do vi phạm pháp luật:

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

- Cập nhật thông tin và trạng thái mã số thuế của người nộp thuế, mã số thuế nộp thay (nếu có) về trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” và ban hành Thông báo về việc mã số thuế chấm dứt hiệu lực theo đơn vị chủ quản mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có) gửi cho người nộp thuế sau khi nhận được Quyết định, Thông báo thu hồi giấy phép của cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cập nhật thông tin thu hồi giấy phép của địa điểm kinh doanh theo mã số địa điểm kinh doanh và mã số thuế đơn vị chủ quản địa điểm kinh doanh vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế trong trường hợp địa điểm kinh doanh bị thu hồi giấy phép.

- Ban hành Thông báo về việc yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 29/TB-ĐKT gửi cho người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã để thực hiện các thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư này (trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký).

- Sau khi nhận được Quyết định, Thông báo giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã và chấm dứt hoạt động của đơn vị phụ thuộc do cơ quan đăng ký kinh doanh, chuyển đến hoặc hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế do thu hồi giấy phép theo quy định tại Điều 14 Thông tư này, cơ quan thuế quản lý trực tiếp và cơ quan thuế quản lý khoản thu xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với từng trường hợp tương ứng theo quy định tại Điều này.

e) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Khi nhận được Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hoặc thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh gửi qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cập nhật thông tin người nộp thuế về trạng thái “NNT chờ làm thủ tục phá sản” ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án hoặc thông tin trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế để gửi Tòa án thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật Phá sản.

Khi nhận được Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã của Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Thông tư này:

e.1) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

- Cập nhật thông tin người nộp thuế về trạng thái “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ quan thuế nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án đối với đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Thực hiện các công việc quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này.

e.2) Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Khi mã số thuế của người nộp thuế là tổ chức bị chấm dứt hiệu lực thì Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế hết hiệu lực.

5. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái 03 “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” lý do tương ứng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này và trạng thái 01 “NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST” lý do tương ứng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trường hợp người nộp thuế đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không hoàn thành nghĩa vụ thuế, sau đó nếu cơ quan thuế thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký và có kết quả là người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế là 06, lý do tương ứng với hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

Điều 17. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành hoặc tiếp nhận văn bản (Quyết định, Văn bản, Thông báo) hoặc hồ sơ của người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp dưới đây, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và chuyển trạng thái của người nộp thuế đang hoạt động sang trạng thái 09 “Người nộp thuế chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, bao gồm:

a) Cơ quan thuế ban hành Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế lần 2, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế.

b) Cơ quan thuế nhận lại văn bản của cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế qua đường bưu chính nhưng bưu điện trả lại do không có người nhận hoặc do địa chỉ không tồn tại.

c) Cơ quan thuế nhận được thông tin do các tổ chức, cá nhân cung cấp có chứng cứ kèm theo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

d) Cơ quan thuế nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

đ) Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

e) Cơ quan thuế nhận được thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc do Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

g) Cơ quan thuế cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế lần đầu hoặc khi thay đổi thông tin đăng ký thuế mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Đồng thời, cơ quan thuế gửi thông tin về việc người nộp thuế thuộc trường hợp chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế; địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế hoặc qua ứng dụng EtaxMobile, VneID của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu bằng văn bản để chứng minh tình trạng đang hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế hoặc giải trình trước khi cơ quan thuế thực hiện xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều này và được cơ quan thuế chấp thuận giải trình thì cơ quan thuế cập nhật lại trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ khai thuế hoặc chấp thuận giải trình của người nộp thuế.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế sang trạng thái 09 “Người nộp thuế chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” theo quy định tại khoản 1 Điều này, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế, hoặc người nộp thuế không giải trình, hoặc giải trình nhưng không được cơ quan thuế chấp thuận, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

a) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản xác minh tình trạng

hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-XMHĐ ban hành kèm theo Thông tư này, cơ quan thuế thực hiện cập nhật trở lại trạng thái hoạt động của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ký biên bản xác minh, đồng thời người nộp thuế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an quản lý địa bàn) lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 15/BB-XMHĐ ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mẫu số 16/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên biên bản, đồng thời cập nhật thông tin mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái 06 “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” với lý do số 09 “Cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký” vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; đồng thời truyền thông tin cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh ngay trong ngày cập nhật trạng thái “NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Cơ quan thuế thực hiện công khai trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định tại Điều 35 Thông tư này. Cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn (gồm: cơ quan Hải quan, cơ quan đăng ký kinh doanh (trừ trường hợp đã thực hiện liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế), Viện Kiểm sát, cơ quan công an, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động) và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm tra cứu thông tin và trạng thái mã số thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế công khai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đơn vị chủ quản thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có đơn vị phụ thuộc

a) Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản đồng thời phải thông báo cho đơn vị phụ thuộc về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 26/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cập nhật trạng thái 09 “Người nộp thuế chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản khi ban hành Thông báo về việc đơn vị chủ quản không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều này đồng thời cập nhật tình trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

của đơn vị phụ thuộc vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành thông báo.

4. Sau khi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, cơ quan thuế phối hợp khi cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý vi phạm hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã. Sau khi nhận được thông tin thu hồi Giấy chứng nhận từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký:

a) Trường hợp cơ quan thuế nhận được thông tin thu hồi giấy phép của người nộp thuế do cơ quan có thẩm quyền gửi đến, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế, mã số thuế nộp thay (nếu có) sang trạng thái 06 lý do 13 “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bị thu hồi giấy phép hoạt động”.

b) Trường hợp cơ quan thuế nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án đối với người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế sang trạng thái 06 lý do 07 hoặc lý do 12. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế để gửi Tòa án thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật Phá sản.

c) Trường hợp người nộp thuế muốn thực hiện thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động (bao gồm cả giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này (đối với người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế), hoặc khoản 3 Điều 14 Thông tư này (đối với người nộp thuế đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông). Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ trụ sở hoặc các thông tin đăng ký thuế khác mà đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, người nộp thuế phải nộp kèm theo hồ sơ thay đổi thông tin theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Cơ quan thuế tiếp nhận đủ hồ sơ, lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, không bắt buộc cơ quan thuế xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký trong trường hợp này.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái 06 lý do 03 trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tương tự quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều 16 Thông tư này, cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện tương tự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư này để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

6. Cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế sau khi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này) như sau:

a) Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế và Điều 15 Thông tư này hoặc không phát sinh nghĩa vụ thuế, hóa đơn.

b) Đối với người nộp thuế đã được xóa các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế, thanh khoản các khoản nộp thừa theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 60 Luật Quản lý thuế (người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế) và hoàn thành thủ tục hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

Trường hợp người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác chưa bị cập nhật tình trạng đã giải thể trong Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh thì cơ quan thuế gửi danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đã bị cơ quan thuế Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý, cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác.

Mục 5 **KHÔI PHỤC MÃ SỐ THUẾ**

Điều 18. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế

Mã số thuế được khôi phục theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý thuế, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế:

a) Người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền.

b) Sau khi cơ quan thuế có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 11 hoặc Điều 17 Thông tư này nhưng chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

c) Người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này nhưng cơ quan thuế chưa ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 16 Thông tư này thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này, sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao văn bản hủy bỏ Quyết định chia, Hợp đồng sáp nhập, Hợp đồng hợp nhất; hoặc bản sao văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc.

Người nộp thuế đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm b, c, d khoản này phải hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ về thuế, hóa đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP trước khi được khôi phục mã số thuế.

2. Hồ sơ khôi phục mã số thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác được khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác là thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác, người nộp thuế phải nộp hồ sơ khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 19. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả

1. Đối với hồ sơ của người nộp thuế: Cơ quan thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật Quản lý thuế, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau:

a) Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư này

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định, cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo về việc khôi phục mã số thuế mẫu số 19/TB-ĐKT, Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

- In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Cập nhật trạng thái mã số thuế cho người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo về việc khôi phục mã số thuế.

Trường hợp mã số thuế của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế cập nhật sang trạng thái 06 thì cơ quan thuế phải thực hiện thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế tương tự như quy định tại điểm b khoản này trước khi khôi phục mã số thuế.

b) Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư này

b.1) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định, cơ quan thuế lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định, đồng thời thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở kinh doanh của người nộp thuế và lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ trụ sở kinh doanh của người nộp thuế mẫu số 15/BB-XMHĐ ban hành kèm theo Thông tư này theo hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế (người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản).

Trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản thông báo cho cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi khôi phục mã số thuế. Trường hợp đơn vị phụ thuộc không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế thì đơn vị chủ quản có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc trước khi khôi phục mã số thuế.

b.2) Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, nếu người nộp thuế nộp kèm theo hồ sơ thay đổi thông tin đầy đủ, đúng quy định, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở đang hoạt động của người nộp thuế như sau:

- Trường hợp địa chỉ trụ sở đang hoạt động của người nộp thuế thuộc địa bàn cơ quan thuế quản lý: cơ quan thuế thực hiện tương tự như điểm b.1 khoản này.

- Trường hợp địa chỉ trụ sở đang hoạt động của người nộp thuế không thuộc địa bàn cơ quan thuế quản lý: Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyên đi gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyên đến phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện xác minh, lập biên bản và gửi kết quả cho cơ quan thuế nơi chuyên đi.

- Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thuộc diện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế thực hiện đánh giá rủi ro để quyết định việc xác minh tại địa chỉ trụ sở mới hoặc thông báo không khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm d khoản này.

b.3) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ (bao gồm cả nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc (nếu có), trừ một số trường hợp không phải hoàn thành nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước

theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP), cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo về việc khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT, Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

- Cập nhật trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo về việc khôi phục mã số thuế. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã được khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm này, cơ quan thuế cập nhật về trạng thái mã số thuế tương ứng với tình trạng pháp lý tại hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh sau khi kết thúc tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

Cơ quan thuế thực hiện công khai Thông báo về việc khôi phục mã số thuế trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định tại Điều 22 Thông tư này. Cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn (gồm: cơ quan Hải quan, cơ quan đăng ký kinh doanh (trừ trường hợp đã thực hiện liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế), Viện Kiểm sát, cơ quan công an, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động) và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm tra cứu thông tin và trạng thái mã số thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế công khai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và các nội dung khác.

c) Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 18 Thông tư này

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định, cơ quan thuế lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ (trừ một số trường hợp không phải hoàn thành nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP), cơ quan thuế thực hiện:

- Lập Thông báo về việc khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT, Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

- In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Cập nhật trạng thái mã số thuế cho người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo về việc khôi phục mã số thuế.

Trường hợp mã số thuế của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế cập nhật sang trạng thái 06 thì cơ quan thuế phải thực hiện thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế tương tự như quy định tại điểm b khoản này trước khi khôi phục mã số thuế.

d) Cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:

d.1) Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế không đầy đủ hoặc không thuộc trường hợp được khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

d.2) Người nộp thuế không hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hóa đơn với cơ quan thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn theo quy định tại điểm b, c khoản này mà người nộp thuế không giải trình được lý do theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

d.3) Người nộp thuế thuộc trường hợp phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ trụ sở trước khi khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm a, b, c khoản này nhưng kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký hoặc địa chỉ đăng ký thay đổi với cơ quan thuế; hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng cơ quan thuế đã đánh giá rủi ro và quyết định không khôi phục tại địa chỉ mới.

2. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này

Khi cơ quan thuế nhận được thông tin khôi phục tình trạng pháp lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã của cơ quan đăng ký kinh doanh gửi qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế thực hiện khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế ngay trong ngày nhận được thông tin trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật lại lý do của trạng thái 06. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế gửi đến cơ

quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư này, cơ quan thuế thực hiện xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Mục 6

ĐĂNG KÝ THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC LẠI TỔ CHỨC

Điều 20. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại

1. Chia tổ chức

a) Đối với tổ chức bị chia:

Tổ chức bị chia phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức bị chia, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức bị chia theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

b) Đối với tổ chức mới được chia:

Các tổ chức mới thành lập từ tổ chức bị chia phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức mới thành lập từ tổ chức bị chia, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

2. Tách tổ chức

a) Đối với tổ chức bị tách:

Trường hợp sau khi tách, tổ chức bị tách có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tổ chức phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao Quyết định tách tổ chức hoặc văn bản tương đương;
- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác.

Cơ quan thuế thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế của tổ chức bị tách theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế và Điều 11 Thông tư này. Tổ chức bị tách vẫn sử dụng mã số thuế đã được cấp trước đây để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ về thuế.

b) Đối với tổ chức được tách:

Tổ chức được tách phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức được tách, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

3. Sáp nhập tổ chức

Tổ chức nhận sáp nhập được giữ nguyên mã số thuế. Các tổ chức bị sáp nhập bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a) Đối với tổ chức bị sáp nhập:

Tổ chức bị sáp nhập phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức bị sáp nhập, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức bị sáp nhập theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

b) Đối với tổ chức nhận sáp nhập:

Trường hợp sáp nhập làm phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, trong thời hạn 10 (mười) làm việc ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác, tổ chức nhận sáp nhập phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;
- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác.

Cơ quan thuế thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế của tổ chức nhận sáp nhập theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế và Điều 11 Thông tư này.

4. Hợp nhất tổ chức

a) Đối với tổ chức bị hợp nhất:

Các tổ chức bị hợp nhất phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của các tổ chức bị hợp nhất, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ chức bị hợp nhất theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

b) Đối với tổ chức hợp nhất:

Tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức hợp nhất, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

Điều 21. Đăng ký thuế trong trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động

1. Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại

Đơn vị phụ thuộc có Quyết định chuyển thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại thì đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải thực hiện đăng ký thuế để được cấp mã số thuế mới theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này. Đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc trước chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc trước chuyển đổi, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

2. Chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

Một đơn vị độc lập chuyển thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác thì được cấp mã số thuế 13 chữ số theo mã số thuế của đơn vị chủ quản mới. Đơn vị độc lập phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này. Đơn vị phụ thuộc thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này. Đơn vị chủ quản phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập vào bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị độc lập, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

3. Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

Một đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản (sau đây gọi là đơn vị phụ thuộc cũ) chuyển thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác (sau đây gọi là đơn vị phụ thuộc mới) phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc cũ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư này. Đơn vị phụ thuộc mới thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư này. Đơn vị chủ quản phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập vào bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc mới, cơ quan thuế thực hiện các thủ tục và trình tự để cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế và Điều 8 Thông tư này.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc cũ, cơ quan thuế thực hiện thủ tục và trình tự để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

Chương III

THỦ TỤC VỀ ĐĂNG KÝ THUẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ HỘ KINH DOANH, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Mục 1

ĐĂNG KÝ THUẾ LẦN ĐẦU

Điều 22. Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu

Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông là hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh.

Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31; khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm i, k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này thuộc trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này

a.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi đặt địa điểm kinh doanh trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định, hoặc nơi cá nhân có bất động sản cho thuê.

- Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cư trú của cá nhân kinh doanh trong trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định.

a.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp cá nhân quy định tại điểm k, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp thuế thu nhập cá nhân thông qua cơ quan chi trả thu nhập và có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho cá nhân hoặc người phụ thuộc

b.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại cơ quan chi trả thu nhập.

- Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập trong cùng một kỳ nộp thuế, cá nhân chỉ ủy quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập và thông báo số định danh cá nhân của cá nhân và người phụ thuộc với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

b.2) Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc gồm: Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

b.3) Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, tổng hợp thông tin đăng ký thuế của người phụ thuộc vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

Cơ quan chi trả thu nhập sử dụng số định danh cá nhân của cá nhân, người phụ thuộc vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp cá nhân quy định tại điểm k, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp thuế thu nhập cá nhân không qua cơ quan chi trả thu nhập hoặc không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế

c.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế.

- Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài.

- Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú đối với những trường hợp khác.

c.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

- Đối với cá nhân có thu nhập chịu thuế: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

- Đối với người phụ thuộc: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân (trừ các trường hợp đăng ký thuế quy định tại điểm a, b, c khoản này) đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế:

d.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

d.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

- Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin của cơ quan quản lý nhà nước gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế.

đ) Sau khi đăng ký thuế lần đầu, nếu cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh hoặc thành lập thêm địa điểm kinh doanh ngoài địa chỉ kinh doanh đã đăng ký, cá nhân sử dụng số định danh cá nhân để kê khai nộp thuế với Chi cục Thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Đối với cá nhân quy định tại điểm i, k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này

a) Trường hợp cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này

a.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi đặt địa điểm kinh doanh trong trường hợp cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định, hoặc nơi cá nhân có bất động sản cho thuê.

- Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cư trú của cá nhân kinh doanh trong trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định.

a.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân; hoặc Bản sao giấy tờ có giá trị sử dụng đối với cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

b) Trường hợp cá nhân quy định tại điểm k, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp thuế thu nhập cá nhân thông qua cơ quan chi trả thu nhập và có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho cá nhân hoặc người phụ thuộc

b.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại cơ quan chi trả thu nhập.
- Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập trong cùng một kỳ nộp thuế, cá nhân chỉ ủy quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập để được cơ quan thuế cấp mã số thuế. Cá nhân thông báo mã số thuế của cá nhân và người phụ thuộc với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

b.2) Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc gồm:

- Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu).

b.3) Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, tổng hợp thông tin đăng ký thuế của người phụ thuộc vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

Cơ quan chi trả thu nhập sử dụng mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, người phụ thuộc vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp cá nhân quy định tại điểm k, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp thuế thu nhập cá nhân không qua cơ quan chi trả thu nhập hoặc không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế

c.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế.

- Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài.

c.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

- Đối với cá nhân có thu nhập chịu thuế:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này và bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân.

+ Bản sao văn bản bổ nhiệm của Tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp

luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài.

- Đối với người phụ thuộc:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu).

d) Trường hợp cá nhân (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này) đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế:

d.1) Địa điểm nộp hồ sơ:

Tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

d.2) Hồ sơ đăng ký thuế:

- Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin của cơ quan quản lý nhà nước gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế.

- Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu).

đ) Sau khi đăng ký thuế lần đầu, nếu cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh hoặc thành lập thêm địa điểm kinh doanh ngoài địa chỉ kinh doanh đã đăng ký, cá nhân sử dụng mã số thuế đã được cấp để kê khai nộp thuế với Chi cục Thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

3. Đối với cá nhân khấu trừ và nộp thuế thay cho người nộp thuế khác, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại điểm g, m khoản 2 Điều 4 Thông tư này

a) Địa điểm nộp hồ sơ: thực hiện như quy định tại điểm a, c, d khoản 6 Điều 7 Thông tư này

b) Hồ sơ đăng ký thuế: thực hiện như quy định tại điểm a, c, d khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

4. Đối với người nộp thuế là cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư này trực tiếp đăng ký thuế thì thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 23. Xử lý hồ sơ đăng ký thuế lần đầu và cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế

1. Đối với hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và thông tin của cá nhân khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

a.1) Cơ quan thuế cập nhật các thông tin trên hồ sơ đăng ký thuế vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế và thông báo kết quả khớp đúng cho người nộp thuế đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân, đồng thời thông báo mã số thuế cho cá nhân sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

a.2) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư này, cơ quan thuế cấp “Giấy chứng nhận đăng ký thuế” mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư này cho hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc thông tin của cá nhân không khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

b.1) Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC (đối với hồ sơ điện tử) hoặc Thông báo về việc giải trình bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (đối với hồ sơ giấy) cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để người nộp thuế điều chỉnh thông tin hoặc nộp lại hồ sơ đăng ký thuế khác.

b.2) Trường hợp cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan thuế thông báo cho cơ quan chi trả thu nhập danh sách cá nhân có thông tin không khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo kết quả cho từng cá nhân và nộp lại hồ sơ đăng ký thuế sau khi cá nhân điều chỉnh thông tin.

2. Đối với hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 22 Thông tư này

a) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế đủ điều kiện cấp mã số thuế, cơ quan thuế cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế cho người nộp thuế như sau:

a.1) “Giấy chứng nhận đăng ký thuế” mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đăng ký thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

a.2) “Thông báo mã số thuế cá nhân” mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế thông báo cho cá nhân hoặc cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

Trường hợp cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo mã số thuế cho cá nhân biết để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cá nhân thực hiện đăng ký thuế qua hồ sơ khai thuế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Thông tư này và cơ quan thuế thực hiện tính thuế và ban hành Thông báo nộp tiền theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì mã số thuế được cấp ghi trên Thông báo nộp tiền.

a.3) “Thông báo mã số thuế nộp thay” mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho cá nhân đăng ký thuế để khấu trừ thuế và nộp thuế thay theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư này.

a.4) Cơ quan thuế thực hiện xử lý hồ sơ và trả kết quả là “Giấy chứng nhận đăng ký thuế”, “Thông báo mã số thuế cá nhân”, “Thông báo mã số thuế nộp thay” cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 22 Thông tư này. Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả qua bộ phận một cửa của cơ quan thuế hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không đủ điều kiện cấp mã số thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC (đối với hồ sơ điện tử) hoặc Thông báo về việc giải trình bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (đối với hồ sơ giấy) cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để người nộp thuế điều chỉnh thông tin hoặc nộp lại hồ sơ đăng ký thuế khác.

Trường hợp cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan thuế thông báo cho cơ quan chi trả thu nhập danh sách cá nhân không đủ điều kiện cấp mã số thuế theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do từ chối và yêu cầu đối với người nộp thuế. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo lý do chưa được cấp mã số thuế cho từng cá nhân để điều chỉnh, bổ sung thông tin của cá nhân. Cơ quan chi trả thu nhập nộp lại hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế sau khi được điều chỉnh, bổ sung để được cấp mã số thuế cho cá nhân theo quy định.

Điều 24. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thông báo mã số thuế

Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được cấp lại theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Trường hợp bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, người nộp thuế gửi Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận

đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

2. Cơ quan thuế thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả qua bộ phận một cửa của cơ quan thuế hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

Mục 2

THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 25. Địa điểm nộp và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế

Địa điểm nộp hồ sơ và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp

a) Hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế cùng với việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân nếu thông tin trên giấy tờ này có thay đổi đối với cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

2.⁵ Hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông khi thay đổi địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì thực hiện như sau:

a) Tại nơi chuyển đi

Hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi) để thực hiện các thủ tục về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Hồ sơ nộp tại cơ quan thuế nơi chuyển đi, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

⁵ Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

b) Sau khi nhận được Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này của cơ quan thuế nơi chuyển đi, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ kinh doanh.

3.⁶ Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi thay đổi địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp

a) Tại nơi chuyển đi

Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi). Hồ sơ nộp tại cơ quan thuế nơi chuyển đi, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này

b) Tại nơi chuyển đến

Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi chuyển đến trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này. Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế là Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với cá nhân quy định tại điểm k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế của bản thân và người phụ thuộc (bao gồm cả trường hợp thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp) nộp hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân đăng ký thường trú hoặc tạm trú (trường hợp cá nhân không làm việc tại cơ quan chi trả thu nhập hoặc không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập) như sau:

a) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp nộp qua cơ quan chi trả thu nhập, gồm: Văn bản ủy quyền mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp chưa có văn bản ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập trước đó). Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này thì nộp kèm theo bản sao Hộ chiếu có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin thay đổi của cá nhân vào Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT, thông tin thay đổi của người phụ thuộc vào Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

⁶ Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này thì nộp kèm theo bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc người phụ thuộc trong trường hợp thông tin đăng ký thuế trên giấy tờ này có thay đổi.

5. Đối với người nộp thuế là cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư này trực tiếp đăng ký thuế thì thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 26. Xử lý hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế và trả kết quả

Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế được xử lý theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân thay đổi các thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư này

a) Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

b) Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

2. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Thông tư này

a) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đi:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ không thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), đồng thời người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

Quá thời hạn nêu trên, trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi thì thời hạn cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mã số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này được xác định lại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi.

Việc xác định người nộp thuế thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đến:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

3. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Thông tư này đã hoàn thành thủ tục tại cơ quan thuế nơi chuyển đi nhưng không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông) hoặc tại cơ quan thuế nơi chuyển đến (đối với cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này), cơ quan thuế thực hiện tương tự như khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

Mục 3

TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH

Điều 27. Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

Khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế, Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này không thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện gửi Thông báo mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

2. Sau khi cơ quan thuế đã ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 Thông tư này trước khi đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp hộ kinh doanh không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 Thông tư này nhưng được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm

ngừng hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Điều 28. Xử lý Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

Việc xử lý Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của người nộp thuế; xử lý Văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Đối với Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này:

Cơ quan thuế thực hiện xử lý hồ sơ và ban hành Thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh mẫu số 27/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

2. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế cập nhật thông tin tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của hộ kinh doanh vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế khi nhận được giao dịch trao đổi thông tin về tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Mục 4

CHẤM DỨT HIỆU LỰC MÃ SỐ THUẾ

Điều 29. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông trong trường hợp chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh là thông tin về chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

2. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp chấm dứt hoạt động kinh doanh là Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm i, k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự là các giấy tờ liên quan của cơ quan có thẩm quyền xác nhận cá nhân đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự (Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch, hoặc quyết định của tòa án tuyên bố một người là đã chết,

mất tích, mất năng lực hành vi dân sự); hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định cá nhân đã chết, mất tích.

4. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký là Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

5. Khi cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm đăng ký trụ sở, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh. Hồ sơ là Thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh mẫu số 24.1/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 30. Các nghĩa vụ phải hoàn thành trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư này phải hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chấm dứt hoạt động kinh doanh như sau:

- Hoàn thành nghĩa vụ về hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn nếu có sử dụng hóa đơn.

- Hoàn thành nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế và xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 43, 44, 47, 60, 67, 68, 70, 71 Luật Quản lý thuế với cơ quan quản lý thuế (đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai).

- Người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 60, 67, 69, 70, 71 Luật Quản lý thuế với cơ quan quản lý thuế (đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế).

2. Đối với hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thì hộ kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc có văn bản gửi cơ quan thuế cam kết doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Đối với cá nhân quy định tại điểm k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và xử lý số tiền nộp thừa theo quy định tại Điều 60, 67, 69, 70, 71 Luật Quản lý thuế với cơ quan quản lý thuế trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

4. Mã số thuế của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh bị chấm dứt hiệu lực khi chấm dứt hoạt động kinh doanh thì mã số thuế của người đại diện

hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, mã số thuế của cá nhân không bị chấm dứt hiệu lực và tiếp tục được sử dụng để thực hiện các nghĩa vụ thuế khác của cá nhân đó.

Điều 31. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả

1. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 29 Thông tư này

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

a.1) Ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định hoặc thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh, đồng thời cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế thành “NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày ban hành thông báo.

a.2) Phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh để xử lý nghĩa vụ của người nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý địa điểm kinh doanh (nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, hóa đơn và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có)), xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật.

a.3) Thực hiện thủ tục bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ đối với các nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a.4) Đề nghị cơ quan Hải quan thực hiện xác nhận việc hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a.5) Ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật Quản lý thuế và khoản 1, khoản 2 Điều 30 Thông tư này; cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế thành “NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu

lực mã số thuế” ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày ban hành Thông báo. Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh được thay bằng Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bị chấm dứt hoạt động thực hiện:

b.1) Thực hiện các công việc quy định tại điểm a.2, a.3 khoản này đối với các nghĩa vụ thuế phát sinh tại nơi có địa điểm kinh doanh.

b.2) Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

2. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư này

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế thành “NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày tiếp nhận giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền xác nhận cá nhân đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định cá nhân đã chết, mất tích.

Trường hợp cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và khoản 1, 2, 3 Điều 30 (trong trường hợp cá nhân đồng thời là đại diện hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh), hoặc khoản 3 Điều 30 Thông tư này (trong trường hợp cá nhân không là đại diện hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh), cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế theo quy định.

3. Khi nhận được thông tin chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh do Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh truyền sang, thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư này, cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh thực hiện phối hợp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đôn đốc, xử lý nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh (nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, hóa đơn và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có)), xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong trường hợp cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

1. Cơ quan thuế thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư này khi ban hành Thông báo hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, đồng thời yêu cầu đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế, hóa đơn với cơ quan thuế quản lý theo quy định.

2. Sau khi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế thực hiện:

a) Cập nhật trạng thái cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành thông báo, đồng thời truyền thông tin cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh nghiệp ngay trong ngày cập nhật trạng thái “NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

b) Phối hợp khi cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý vi phạm hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh. Khi cơ quan thuế nhận được thông tin thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế của hộ kinh doanh sang trạng thái 06 lý do 13 “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bị thu hồi giấy phép hoạt động” trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

c) Trường hợp người hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh muốn thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động (bao gồm cả chấm dứt tự nguyện và bắt buộc), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư này.

Cơ quan thuế tiếp nhận đủ hồ sơ, lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, không bắt buộc cơ quan thuế xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký trong trường hợp này.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái 06 lý do 03 trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện tương tự quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều 31 Thông tư này, cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh thực hiện tương tự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Thông tư này để chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Mục 5 **KHÔI PHỤC MÃ SỐ THUẾ**

Điều 33. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế

Mã số thuế được khôi phục theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý thuế, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hồ sơ khôi phục mã số thuế đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh khi được khôi phục tình trạng pháp lý là thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

Trường hợp hộ kinh doanh đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp hồ sơ khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ khôi phục mã số thuế đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông sau khi cơ quan thuế Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế là Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

3. Hồ sơ khôi phục mã số thuế đối với cá nhân bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế với lý do chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự là Quyết định của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 34. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả

1. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư này

Khi cơ quan thuế nhận được giao dịch khôi phục tình trạng pháp lý đối với hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh gửi qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế thực hiện khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế ngay trong ngày nhận được thông tin trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật lại lý do của trạng thái 06. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của hộ kinh doanh gửi đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này, cơ quan thuế thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này, cơ quan thuế thực hiện tương tự như điểm b, d khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

3. Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư này

Khi cơ quan thuế nhận được Quyết định của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, cơ quan thuế thực hiện khôi phục mã số thuế cho cá nhân trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế

1. Cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đối với các trường hợp sau:

a) Người nộp thuế ngừng hoạt động, đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 01).

b) Người nộp thuế ngừng hoạt động, chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03).

c) Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh (trạng thái 05).

d) Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06).

đ) Người nộp thuế khôi phục mã số thuế theo Thông báo mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Người nộp thuế có vi phạm pháp luật về đăng ký thuế.

2. Nội dung, hình thức và thời hạn công khai:

a) Nội dung công khai: Các thông tin ghi trên Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế; Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

b) Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

c) Thời hạn công khai: Chậm nhất trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo hoặc cập nhật trạng thái mã số thuế theo quyết định, thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác chuyển đến.

3. Thẩm quyền công khai thông tin:

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thực hiện công khai thông tin người nộp thuế. Trường hợp thông tin công khai không chính xác, cơ quan thuế thực hiện đính chính thông tin và phải công khai nội dung đã đính chính theo

hình thức công khai.

Điều 36. Ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử trong thực hiện thủ tục đăng ký thuế

1. Cơ quan thuế thực hiện khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phù hợp với lộ trình triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu thuế để giải quyết thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Thông tư này và phải lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật. Trường hợp các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu thuế thì không yêu cầu người nộp thuế khai báo lại với cơ quan thuế.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập để thực hiện thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. Cơ quan thuế tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thuế điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

Trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu trong hồ sơ đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 25 Thông tư này nếu hộ chiếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Điều 37. Giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng

1. Cơ quan thuế giải quyết thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế quy định tại Thông tư này theo quy trình dự phòng trong các trường hợp sau:

a) Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, hoặc Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gặp sự cố kỹ thuật.

b) Các trường hợp bất khả kháng khác.

2. Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hoặc Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Tổng cục Thuế thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan thuế giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng thực hiện theo quy trình xử lý hồ sơ bằng bản giấy.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tổng cục Thuế về việc Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế hoàn thành việc khắc phục sự cố, cơ quan thuế phải cập nhật, bổ sung dữ liệu, thông tin đã giải quyết cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Điều 38. Hiệu lực thi hành⁷

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2025, thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Kể từ ngày 01/7/2025, người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng mã số thuế theo quy định tại Điều 35 Luật Quản lý thuế thực hiện sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

3. Trường hợp các văn bản đã dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đăng ký thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế đã nộp đến cơ quan thuế trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan thuế tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 và thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân đã khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế bắt đầu từ ngày 01/7/2025, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo mã số thuế đã cấp trước đó. Đồng thời, cơ quan thuế theo dõi,

⁷ Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 có điều khoản thi hành như sau:

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ quy định về chi hội đồng tư vấn thuế cấp huyện, thị xã và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 1 Mục II Thông tư số 117/1999/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã quy định tại Thông tư này được chuyển đổi theo tên gọi của cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

quản lý toàn bộ dữ liệu của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng số định danh cá nhân.

3. Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân sang trạng thái 10 “Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân”. Người nộp thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư này để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư này.

4. Trường hợp cá nhân đã được cấp nhiều hơn 01 (một) mã số thuế, người nộp thuế phải cập nhật thông tin số định danh cá nhân cho các mã số thuế đã được cấp để cơ quan thuế tích hợp các mã số thuế vào số định danh cá nhân, hợp nhất dữ liệu thuế của người nộp thuế theo số định danh cá nhân.

Khi mã số thuế đã được tích hợp vào số định danh cá nhân thì các hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế, giấy tờ có giá trị pháp lý khác đã lập có sử dụng thông tin mã số thuế của cá nhân tiếp tục được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thuế mà không phải điều chỉnh thông tin mã số thuế trên hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế sang số định danh cá nhân.

5. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tra cứu thông tin đăng ký thuế đã được cơ quan thuế đối chiếu khớp đúng hoặc không khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ: <https://www.gdt.gov.vn>, hoặc trên trang Thuế điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ: thuedientu.gdt.gov.vn, hoặc trên tài khoản giao dịch thuế điện tử của cá nhân tại ứng dụng icanhan hoặc eTaxMobile (nếu cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế). Trường hợp thông tin có sai sót, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú để cập nhật thông tin chính xác vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hướng dẫn cơ quan thuế các cấp trong việc đăng ký thuế, cấp mã số thuế, cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, cấp Thông báo mã số thuế và quản lý sử dụng mã số thuế; xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để phục vụ công tác quản lý thuế, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế.

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư này.

3. Cơ quan thuế có trách nhiệm xử lý khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để khắc phục sai sót của cơ quan thuế trong trường hợp đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đúng trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế, hoặc đã xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; hoặc khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để phục vụ xử lý các nghiệp vụ yêu cầu phải sử dụng mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế phát sinh thêm các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền sau khi đã bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

4. Người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này thực hiện đầy đủ các hướng dẫn tại Thông tư này.

Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 06 /VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐT của Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Công TTĐT của Cục Thuế (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Nghiệp vụ thuế - Cục Thuế;
- Lưu: VT, CT(PC) (5b).



Cao Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
(Dùng cho tổ chức)

Tổ chức kinh tế Tổ chức khác Tổ chức được hoàn thuế Hợp đồng dầu khí Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:	

3. Địa chỉ trụ sở chính	
3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:	
3b. ¹ Xã/phường/đặc khu	
3c. ³ Được bãi bỏ	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):
3g. Email:	3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)	
4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
4b. ² Xã/phường/đặc khu:	
4c. ⁴ Được bãi bỏ	
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
4đ. Điện thoại:	4e. Fax (nếu có):
4g. E-mail:	

5. Quyết định thành lập

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ

¹ Cụm từ "Phường/Xã/Thị trấn" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

² Cụm từ "Phường/Xã/Thị trấn" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

³ Cụm từ "Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁴ Cụm từ "Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

	Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:..... 14e. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... ⁵ Xã/phường/đặc khu: ⁶ Được bãi bỏ Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:..... ⁷ Xã/phường/đặc khu: ⁸ Được bãi bỏ Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:..... Quốc gia:..... 14h. Thông tin khác: Điện thoại:.....Email:.....
--	--

15. Phương pháp tính thuế GTGT	<input type="checkbox"/> Khấu trừ	<input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT
---------------------------------------	-----------------------------------	--	--	---

16. Thông tin về các đơn vị liên quan		
<input type="checkbox"/> Có công ty con, công ty thành viên	<input type="checkbox"/> Có đơn vị phụ thuộc	<input type="checkbox"/> Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
<input type="checkbox"/> Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	<input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

⁵ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁶ Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁷ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁸ Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- “Tổ chức kinh tế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .
- “Tổ chức khác”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.
- “Tổ chức được hoàn thuế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.
- “Hợp đồng dầu khí”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.
- “Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu”: Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, ⁹Xã/phường/đặc khu ¹⁰Được bãi bỏ của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.
- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.
- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.
- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

⁹ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

¹⁰ Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng đầu tư: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô "Độc lập" hoặc "Phụ thuộc". Trường hợp tích chọn ô "Độc lập" thì tích chọn vào "Có BCTC hợp nhất" nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có): Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào ô tương ứng của chi tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô “Có công ty con, công ty thành viên”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các công ty con, công ty thành viên” mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô “Có đơn vị phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào “Bảng kê các đơn vị phụ thuộc” mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô “Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các địa điểm kinh doanh” mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô “Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài” mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí” mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chi tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
 (Kèm theo Thông tư số
 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của
 Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các địa điểm kinh doanh, kho hàng

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn/xóm)	¹¹ Xã/phường/đặc khu	¹² Được bãi bỏ	Tỉnh/thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹¹ Cụm từ “Phường/Xã” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

¹² Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**
 (Kèm theo Thông tư số
 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
 (Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

ST T	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							13 Xã/phường/ đặc khu	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									
...									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹³ Cụm từ “Quận/Huyện” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**
 (Kèm theo Thông tư số
 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
 (Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

ST T	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							¹⁴ Xã/phường/ đặc khu	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹⁴ Cụm từ “Quận/Huyện” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Mẫu số: BK06-ĐK-TCT
 (Kèm theo Thông tư số
 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân
 (Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):

ST T	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng				x			

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

Chi nhánh Văn phòng đại diện Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1. Tên người nộp thuế:

2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

2a. Tên:

2b. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:

Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính

3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố,
tổ/xóm/ấp/thôn:

3b. ¹Xã/phường/đặc khu:

3c. Được bãi bỏ³

3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

3đ. Điện thoại:

3e. Fax (nếu có):

3g. E-mail:

3h. Website (nếu có):

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu
địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở
chính)

4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố,
tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:

4b. ²Xã/phường/đặc khu:

4c. Được bãi bỏ⁴

4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

4đ. Điện thoại:

4e. Fax (nếu có):

4g. E-mail:

5. Quyết định thành lập

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy

¹ Cụm từ "Phường/xã/ thị trấn" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

² Cụm từ "Phường/xã/ thị trấn" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

³ Cụm từ "Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁴ Cụm từ "Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

a. Họ và tên:	a. Họ và tên:
b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân:
c. Ngày tháng năm sinh:	c. Ngày tháng năm sinh:
d. Điện thoại liên lạc:	d. Điện thoại liên lạc:
đ. Email:	đ. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có)													
<input type="checkbox"/> Chia <input type="checkbox"/> Tách <input type="checkbox"/> Hợp nhất <input type="checkbox"/> Chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác <input type="checkbox"/> Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác													
Mã số thuế trước khi tổ chức lại:													
<table border="1" style="display: inline-table; margin-right: 20px;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>													

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, ⁹ Xã/phường/đặc khu, ¹⁰Được bãi bỏ, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chi tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh

Cụm từ "Phường/Xã/Thị trấn" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm 8. **Vấn đề 416:** Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình Nền tảng Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).
 Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương (số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương).

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Ghi ngày mà người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân kinh doanh)

- Hộ gia đình kinh doanh
- Cá nhân kinh doanh
- Cá nhân kinh doanh của nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

I. Thông tin cá nhân/đại diện hộ gia đình

<Trường hợp cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam:>

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
3. Số định danh cá nhân:.....
4. Điện thoại liên hệ:.....
5. Email:.....
6. Số định danh cá nhân đã cấp trước đó (trong trường hợp cá nhân được xác lập lại số định danh cá nhân):.....

<Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân:>

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
3. Giới tính: Nam Nữ
4. Quốc tịch:.....
5. Giấy tờ pháp lý (kê khai một trong các loại giấy tờ):
- Số hộ chiếu:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 - Số giấy thông hành:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 - Số CMND biên giới:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 - Số giấy tờ chứng thực cá nhân khác:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

6. Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

¹ Xã/phường/đặc khu:.....

²Được bãi bỏ:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

7. Địa chỉ hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

³ Xã/phường/đặc khu.....

⁴Được bãi bỏ:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

8. Thông tin khác:

8a. Điện thoại liên hệ:.....

8b. Email:.....

II. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

1. Tên:.....

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

III. Thông tin về hoạt động kinh doanh

¹ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

² Cụm từ “Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁴ Cụm từ “Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

1. Tên cửa hàng/thương hiệu:.....
2. Địa chỉ kinh doanh:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....
⁵ Xã/phường/đặc khu.....
- ⁶Được bãi bỏ:.....
- Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....
- Điện thoại (nếu có):.....Fax (nếu có):.....Email (nếu có):.....
3. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ kinh doanh*):
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....
⁷ Xã/phường/đặc khu.....
- ⁸Được bãi bỏ:.....
- Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....
- Điện thoại (nếu có):.....Fax (nếu có):.....Email (nếu có):.....
4. Ngành nghề kinh doanh chính:.....
5. Ngày bắt đầu hoạt động:...../...../.....
6. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 2 phương pháp):
- Phương pháp kê khai Phương pháp khoán

⁵ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁶ Cụm từ “Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁷ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁸ Cụm từ “Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ...tháng ... năm ...
**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN KINH
DOANH** (Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 03-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- Hộ gia đình kinh doanh
- Cá nhân kinh doanh
- Cá nhân kinh doanh của nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

I. Thông tin cá nhân/chủ hộ kinh doanh

- Trường hợp cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 1 đến 5 bên dưới:

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân/đại diện hộ gia đình đăng ký thuế.
2. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân/đại diện hộ gia đình đăng ký thuế.
3. Số định danh cá nhân: Ghi số định danh của cá nhân/đại diện hộ gia đình đăng ký thuế.

Lưu ý: Cá nhân/đại diện hộ gia đình phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Điện thoại liên hệ: Ghi chính xác số điện thoại của cá nhân/đại diện hộ gia đình (nếu có).
5. Email: Ghi chính xác địa chỉ email cá nhân/đại diện hộ gia đình (nếu có).

- Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì kê khai vào các chỉ tiêu từ 1 đến 8 bên dưới:

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.
2. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.
3. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.
4. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.
5. Giấy tờ pháp lý: tích chọn 1 trong các loại giấy tờ hộ chiếu/giấy thông hành/CMND biên giới/Giấy tờ chứng thực cá nhân khác còn hiệu lực của cá nhân và ghi rõ số, ngày cấp, thông tin “nơi cấp” chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.
6. Địa chỉ thường trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân
7. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân

(chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

8. Thông tin khác: Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có).

II. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

III. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Trường hợp người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh thì kê khai các thông tin về hoạt động kinh doanh như sau:

1. Tên cửa hàng/thương hiệu: Tên của cửa hàng hoặc thương hiệu của địa điểm kinh doanh.

2. Địa chỉ kinh doanh:

- Trường hợp có hoạt động kinh doanh thường xuyên và địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân cho thuê bất động sản thì ghi rõ địa chỉ kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoặc địa chỉ nơi cá nhân cho thuê bất động sản gồm: số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, ⁹ Xã/phường/đặc khu, ¹⁰Được bãi bỏ, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

- Trường hợp có hoạt động kinh doanh thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú của cá nhân kinh doanh.

3. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ kinh doanh thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

4. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi 01 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh tại địa điểm kinh doanh.

5. Ngày bắt đầu hoạt động: Ghi rõ ngày bắt đầu hoạt động của địa điểm kinh doanh.

6. Phương pháp tính thuế GTGT: Chọn một trong 2 phương pháp tính thuế GTGT kê khai hoặc khoán.

*** Phần người đại diện hộ gia đình/cá nhân kinh doanh ký, ghi rõ họ tên:** Người đại diện hộ gia đình/cá nhân kinh doanh phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

⁹ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

¹⁰ Cụm từ “Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

*** Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài,
nhà thầu phụ nước ngoài, nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh
doanh với cá nhân, tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức)

- Nộp thay NTNN Tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức
 Nộp thay NCCNN Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân

1. Tên tổ chức, cá nhân (Bên Việt Nam/Hợp tác kinh doanh/khác):
2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
3a. Tên
3b. Mã số thuế
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

4. Địa chỉ trụ sở
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. ¹ Xã/phường/đặc khu
4c. ³ Được bãi bỏ:
4d. Tỉnh/ Thành phố:
4e. Điện thoại: /Fax:
Email:

5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế (chỉ khai thông tin này nếu khác địa chỉ trụ sở)
5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
5b. ² Xã/phường/đặc khu
5c. ⁴ Được bãi bỏ:
5d. Tỉnh/ Thành phố:
5e. Điện thoại: /Fax:
Email:

¹ Cụm từ "Phường/Xã" tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ "Phường/Xã" tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³ Cụm từ "Quận/ Huyện" tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁴ Cụm từ "Quận/ Huyện" tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

6. Thông tin về người đại diện theo pháp luật	
6a. Tên:	6b. Địa chỉ:
6c. Điện thoại/ Fax:	6d. Email:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT-BK**
 (Kèm theo Thông tư số
 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
nộp thuế thông qua Bên Việt Nam
 (Kèm theo Mẫu số 04.1-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng (số tiền hoặc tỷ lệ %)	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)	Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng	NTNN đề nghị cấp MST (đánh dấu "x")
						⁵ Xã/ phường/ đặc khu	Tỉnh/ thành phố		

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁵ Cụm từ "Phường/Xã" tại chi tiêu này được thay thế bởi cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu)

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu:

2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Hợp đồng ủy nhiệm thu

a. Số:

b. Ngày:

c. Tên cơ quan thuế ủy nhiệm thu:

d. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ... đến ngày ...

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /... /.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 04-ĐK-TCT
(Kèm theo Thông tư số
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài,
Ban điều hành liên danh)

(Use for contractor/sub-contractor/management board)

kê khai - nộp thuế nhà thầu kê khai-nộp các loại thuế khác

1. Tên nhà thầu nước ngoài/nhà thầu phụ nước ngoài/Ban điều hành liên danh: Name of contractor/ sub-contractor/management board	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có): Tax agent (if any)	
2a. Tên (Name)	
2b. Mã số thuế (TIN of Tax agent)	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Tax agent contract: Number	ngày Date

3. Quốc tịch (Nationality):

4. Địa chỉ trụ sở chính: Address of the head office	5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam Address of management office in Vietnam
Điện thoại (Tel): Fax: Email:	5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm: Street number, Street name or Commune
	5b. ¹ Xã/phường/đặc khu: Ward
	5c. ² Được bãi bỏ: District
	5d. Tỉnh/Thành phố: Province/City
	5e. Điện thoại (Tel): Fax:

¹ Cụm từ "Phường/Xã" tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

² Cụm từ "Quận/Huyện" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

	Email:
6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam Business licence in Vietnam	7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ Contract for Contractor/Sub-Contractor operation in Vietnam
6a. Số giấy phép: Number	7a. Số: Number
6b. Ngày cấp:/...../..... Date	7b. Ngày:/...../..... Date
6c. Cơ quan cấp: Granted by	
7c. Ký với: Signed with Mã số NNT tại Việt Nam (nếu có): Tax payers identification number in Vietnam (if any)	
8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Contract objectives	
9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng Location of according to the contract	
10. Thời gian thực hiện hợp đồng Contract duration	
Từ:/..... đến/..... From:/..... to/.....	
11. Nhà thầu phụ nước ngoài Do you have sub-contractor?	
<input type="checkbox"/> Có Yes <input type="checkbox"/> Không No	
12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài): Information of representative of contractor (or sub-contractor)	
12a. Tên người đại diện theo pháp luật: Name of representative of contractor (or sub-contractor)	
12b. Chức vụ:..... Position	
12c. Chứng từ chứng thực cá nhân: Số giấy chứng thực cá nhân..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn:..... Nơi cấp..... Passport or Identify number:..... Date of Issue Date of Expiration Place of Issue	
12d. Địa chỉ tại Việt Nam: Address of representative of contractor (or sub-contractor) in Vietnam Số nhà/Đường phố:	

Formatted Table

Street number, Street name or Commune ³ Xã/phường/đặc khu: Ward ⁴ Được bãi bỏ: District Tỉnh/Thành phố: Province/City 12e. Thông tin khác: Others Điện thoại (tel): /Fax: Email: Website:

13. Phương pháp tính thuế GTGT VAT calculation method	<input type="checkbox"/> Khấu trừ Deduction method	<input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT Directly method
---	---	---

Formatted Table

14. Phương pháp tính thuế TNDN CIT calculation method	<input type="checkbox"/> Doanh thu, chi phí Revenues, expenses	<input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh thu Directly method
---	---	--

15. Năm tài chính Financial year	Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... From: dd...mm... yy... To: dd...mm... yy...
--	---

16. Tài liệu kèm theo Attachments

Cam kết của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu nước ngoài phụ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp về thuế, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế phát sinh, đảm bảo việc khấu trừ và nộp đủ các khoản thuế của Nhà thầu và người lao động làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng.

Contractors, sub-contractors commit to observe all tax laws, timely and fully pay taxes, ensure to withhold and pay full tax dues of sub-contractors and employees involved in the contract in Vietnam.

	... ngày: .../.../..... ... date: .../.../.....
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ Staff of tax agent Họ và tên:..... Name Chứng chỉ hành nghề số:.....	NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI/NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH Representative of contractor (or sub- contractor) (Signature)

³ Cụm từ "Phường/Xã" tại chỉ tiêu này được thay thế bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁴ Cụm từ "Quán/Huyện" tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Certificate number	
--------------------	--

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 04-ĐK-TCT
GUIDANCE FOR DECLARATION

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

Contractor/sub-contractor/management board select one of the appropriate boxes before declare detail information, as follows:

- “Kê khai-nộp thuế nhà thầu”: Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh trực tiếp kê khai và nộp thuế nhà thầu với cơ quan thuế (thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế).

“Contractor tax declaration and payment”: Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct contractor tax declaration and payment and submit to tax department (VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax management law).

- “Kê khai - nộp các loại thuế khác”: Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài,... với cơ quan thuế và được Bên Việt Nam kê khai, khấu trừ, nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế.

“Other tax and fee declaration and payment”: Applicable to the Contractor/sub-contractor/management board direct PIT, other fees declaration and payment and submit to tax department and Vietnamese parties deduct and pay on behalf of contractor/sub-contractor about VAT, CIT in accordance with the contractor tax law and tax management law.

1. Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh: Ghi đầy đủ tên (kể cả viết tắt) của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ hoặc Ban điều hành liên danh tham gia các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư.

Name of contractor/sub-contractor/management board: Write full name (including abbreviated name) of contractor or sub-contractor or management board doing business in Vietnam under the form not stipulated in the Law of Investment.

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

Information of Tax agent: Write name, TIN, contract (number, date).

3. Quốc tịch: Ghi rõ quốc tịch của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài.

Nationality: Fill in clearly the nationality of the contractor/sub-contractor/management board.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú.

Nếu người nộp thuế là tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở chính.

Address of head office:

If contractor/sub-contractor is an individual, fill in address, telephone number, fax number of residency.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the head office.

5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam:

Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú tại Việt Nam để điều hành hoạt động.

Nếu người nộp thuế là các tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở văn phòng điều hành tại Việt Nam.

Address of Management office in Vietnam:

If contractor/sub-contractor is an individual, fill in address, telephone number, fax number of the individual residing in Vietnam to do business.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone number, fax number of the management office in Vietnam.

6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam: Căn cứ vào giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có) để điền vào các chỉ tiêu tương ứng.

Business license in Vietnam:

Based on the business license granted by the competent Government authority, fill in the relevant items in the form (if any).

7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài: Căn cứ vào hợp đồng được ký kết mà điền vào các chỉ tiêu cho phù hợp. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract for contractor/sub-contractor operation in Vietnam: Based on the signed contract, fill in the relevant items in the form if select "Contractor tax declaration and payment".

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng: Ghi cụ thể từng mục tiêu hoạt động của hợp đồng. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract objectives: Declare each operation objective of the contract concretely if select "Contractor tax declaration and payment".

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng: Ghi cụ thể các địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng. Trong trường hợp tiến hành công việc tại nhiều địa phương khác nhau thì phải kê khai đầy đủ các địa điểm tiến hành công việc tại địa phương đó. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Location of business according to the contract: Declare each operation location of the contract concretely. In case of doing business at many different location, contractor/sub-contract has to declare fully the location to do business if select "Contractor tax declaration and payment".

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng, năm đến tháng, năm. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract duration: Fill in clearly contract duration from month, year to month, year if select "Contractor tax declaration and payment".

11. Nhà thầu phụ nước ngoài: Nếu có các Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện một phần hợp đồng yêu cầu kê khai đầy đủ các Nhà thầu phụ nước ngoài theo bảng kê mẫu số BK04-ĐK-TCT đính kèm tờ khai đăng ký thuế.

Do you have sub-contractor: If there are sub-contractors taking part in the contract, please declare fully in the Sub-contractor form of BK04-ĐK-TCT declare attached.

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài): Ghi rõ thông tin về người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ).

Declare information of representative of contractor (or sub-contractor)

13. Phương pháp tính thuế GTGT: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế GTGT nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of VAT calculation method if select "Contractor tax declaration and payment"

14. Phương pháp tính thuế TNDN: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thuế TNDN nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of CIT calculation method if select "Contractor tax declaration and payment"

15. Năm tài chính: Người nộp thuế kê khai thông tin về năm tài chính là năm dương lịch. Trường hợp năm tài chính khác năm dương lịch thì kê khai thông tin từ quý bắt đầu đến quý kết thúc năm tài chính và năm tài chính phải tròn 12 tháng.

Declare information of financial year (From ... to ...) is calendar year. If financial year is different from calendar year, declare information is from quarter to quarter and financial year must be full 12 months.

16. Tài liệu kèm theo: Ghi các tài liệu gửi cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai đăng ký thuế.

Attachments: List all documents attached to the Tax Registration Form

17. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Staff tax agent: Staff tax agent declare name and certificate number on this area if tax agent declare on behalf of contractor/sub-contractor

¹ *Xã/phường/đặc khu*.....

²Được bãi bỏ

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

3.6. Địa chỉ hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

³ *Xã/phường/đặc khu*

⁴Được bãi bỏ

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:.....

3.7. Điện thoại liên hệ:.....

3.8. Email:.....

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ...tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

² Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

³ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

⁴ Cụm từ “Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 05-ĐK-TCT**

- 1. Họ và tên:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.
- 2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Thông tin đăng ký thuế của cá nhân

* Trường hợp cá nhân là người Việt Nam thì kê khai vào các chi tiêu từ 3.1 đến 3.4 bên dưới:

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

3.2. Số định danh cá nhân: Ghi số định danh của cá nhân đăng ký thuế.

Lưu ý: Cá nhân phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3.3. Điện thoại liên hệ: Ghi chính xác số điện thoại của cá nhân.

3.4. Email: Ghi chính xác địa chỉ email cá nhân.

* Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam đang sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì kê khai vào các chi tiêu từ 3.1 đến 3.8 bên dưới:

3.1. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

3.2. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

3.3. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

3.4. Giấy tờ pháp lý: tích chọn 1 trong các loại giấy tờ hộ chiếu/giấy thông hành/CMND biên giới/Giấy tờ chứng thực cá nhân khác còn hiệu lực của cá nhân và ghi rõ số, ngày cấp, thông tin “nơi cấp” chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.

3.5. Địa chỉ thường trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân

3.6. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

3.7. Ghi số điện thoại của cá nhân đăng ký thuế

3.8. Ghi địa chỉ email của cá nhân đăng ký thuế (nếu có).

Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

* **Phần người người đăng ký thuế ký, ghi rõ họ tên:** cá nhân đăng ký thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

* **Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/đường phố	¹ Xã/phường/đặc khu	² Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/đường phố	³ Xã/phường/đặc khu	⁴ Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	13	(14)	(15)	(16)	(17)	18	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

..., ngày... /.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

¹ Cụm từ “Xã/Phường” tại chi tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³ Cụm từ “Xã/Phường” tại chi tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁴ Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chi tích vào 1 trong 2 chi tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.
2. Cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì khai số định danh cá nhân vào chi tiêu 7 và không cần kê khai các chi tiêu từ 8 đến 19. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu “địa chỉ thường trú”, “địa chỉ hiện tại” của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chi tiêu từ 11 đến 19.
3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ
quan đại diện tổ chức quốc tế)
(Use for diplomatic, consulate, international organization)

1. Tên cơ quan đại diện Name of missions

2. Trụ sở tại Việt Nam Address in Vietnam
2a. Số nhà, đường phố, thôn xóm: Number, Street name
2b. ¹ Xã/phường/đặc khu: Ward
2c. ² Được bãi bỏ District
2d. Tỉnh/ Thành phố: Province/ City
2e. Điện thoại: Fax: Email: Tel

3. Tài liệu kèm theo: Attachments

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

¹ Cụm từ "Phường/Xã" tại chi tiêu này được thay thế bởi cụm từ "Xã/phường/đặc khu" theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ "Quận/ Huyện" tại chi tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

..., ngày...../...../.....

..., date/...../.....

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HOẶC

PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Head or Deputy Head of Mission

Ký tên

Signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế

Doanh nghiệp, Tổ chức Hộ kinh doanh, Cá nhân Khác
hợp tác xã cá nhân kinh doanh

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số

ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT -	124 Lò Đúc-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế: Ví dụ: - Bảng kê BK.02-ĐK-TCT - ...		Bổ sung đơn vị phụ thuộc ...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....(3).....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế chuyển địa điểm

Thời điểm chuyển địa điểm: ngày... tháng ... năm ...
(Thời điểm cơ quan thuế chốt nghĩa vụ trong hệ thống quản lý thuế)

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ của người nộp thuế nộp ngày

Cục Thuế/Chi cục Thuế:..... thông báo:

Người nộp thuế:

MST/MSDN:.....

Chuyển địa điểm kinh doanh từ:

Địa chỉ trụ sở cũ:¹Xã/phường/đặc khu²

: Tỉnh/TP:

Đến:

Địa chỉ trụ sở mới:³Xã/phường/đặc khu.....⁴:

Tỉnh/TP:

Số điện thoại liên hệ mới:

¹ Cụm từ “Phường/Xã” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³ Cụm từ “Phường/Xã” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁴ Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

1. Tình trạng nộp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đến thời điểm chuyển đi:

Mã số thuế (mã chính, mã nộp thay)	Trạng thái hồ sơ khai thuế (Hồ sơ nộp chậm chưa xử lý/chưa nộp)	Hồ sơ khai thuế phải nộp		Kỳ tính thuế	Đề nghị tiếp tục xử lý (nếu có)
		Tên hồ sơ	Mẫu		

2. Thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế đến thời điểm chuyển đi:

Mã số thuế (mã chính, mã nộp thay)	Tên Tiêu mục	Mã tiêu mục	Kỳ thuế	Số còn phải nộp	Số còn nộp thừa	Số tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau

3. Tình trạng thanh tra, kiểm tra đến thời điểm chuyển đi (nếu có):

a) Nội dung thanh tra, kiểm tra:

b) Thời kỳ thanh tra, kiểm tra:

4. Tình hình sử dụng hoá đơn với cơ quan thuế nơi chuyển đi:

Đã quyết toán hoá đơn

Không sử dụng hoá đơn

5. Nhận xét khác:

Đề nghị người nộp thuế <nộp hồ sơ đăng ký thay đổi địa chỉ đến cơ quan đăng ký kinh doanh/cơ quan đăng ký hợp tác xã (nếu là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc nộp hồ sơ chuyển địa điểm cho cơ quan thuế nơi chuyển đến (trừ doanh nghiệp, hợp tác xã)> trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(4).....,(5).....

Địa chỉ:(6).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu VT, bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁷⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (5): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (6): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: 10- MST
(Kèm theo Thông tư số
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ: ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ
CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION

MÃ SỐ THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER	
TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ FULL NAME OF TAXPAYER	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HOẶC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP (đối với tổ chức) NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION (FOR ORGANIZATION)	
NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER	
CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP TAX DEPARTMENT IN CHARGE	

..., ngày tháng năm
(dd/mm/yy)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ: ...
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày (date) ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Mã số thuế nộp thay
TAX IDENTIFICATION NUMBER (TIN) NOTIFICATION

Cục Thuế/Chi cục Thuế thông báo mã số thuế nộp thay <nhà thầu nước ngoài/nhà cung cấp nước ngoài/cá nhân hợp tác kinh doanh/tổ chức hợp tác kinh doanh> của người nộp thuế như sau:

The Tax Department of Province/City/district hereby would like to inform your TIN as follows:

Mã số thuế:
Tax identification number

Tên người nộp thuế:
Full name of Taxpayer

Ngày cấp mã số thuế:
Date of issue

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:
Tax Department in charge

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of TIN issuance.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN
Đề nghị cấp lại <Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế>

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế, cá nhân (Ghi theo thông tin đăng ký thuế):

.....

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở chính (Ghi theo thông tin đăng ký thuế):

Địa chỉ kinh doanh (Nếu có):

2. Tên đại lý thuế (Nếu có):.....

Mã số thuế:

Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

3. Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân khác không cần đóng dấu.

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ:.....
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../TB-CT(CCT)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Mã số thuế cá nhân

<Trường hợp thông báo mã số thuế cho cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập thì ghi:

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của các cá nhân theo hồ sơ đăng ký thuế ngày .../.../... của <tên cơ quan chi trả thu nhập> gửi đến cơ quan thuế như sau:

STT	Tên người nộp thuế	Số hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ hiện tại	Mã số thuế	Ngày cấp mã số thuế
1								
2								
3								
...								
...								
...								

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo mã số thuế cho từng cá nhân có tên tại danh sách nêu trên. Cá nhân phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

<Trường hợp thông báo mã số thuế cho cá nhân trực tiếp đăng ký thuế thì ghi:

Cơ quan thuế thông báo mã số thuế của cá nhân như sau:

Tên người nộp thuế:

Số Hộ chiếu: ngày cấp .../.../..... nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ hiện tại:

Mã số thuế:

Ngày cấp mã số thuế:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽¹⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế

Vàogiờ....., ngày tháng năm

Thành phần gồm:

- Đại diện chính quyền địa phương (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):

+ Ông (bà):

- Đại diện cơ quan thuế (nêu cụ thể tên và chức vụ của cán bộ tham gia):

+ Ông (bà):

+ Ông (bà):

Lập Biên bản xác minh về tình trạng hoạt động của người nộp thuế như sau:

- Tên người nộp thuế; Mã số thuế:

- Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số, cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp

- Đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:

Chức vụ; CMND/CCCD/Hộ chiếu số:; ngày cấp: .../.../....; Cơ quan cấp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế cấp ngày .../.../....; Cơ quan cấp

- <Địa chỉ đã đăng ký/Địa chỉ đề nghị khôi phục mã số thuế>:

.....

Tại thời điểm xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh của người nộp thuế tại <địa chỉ đã đăng ký/địa chỉ đề nghị khôi phục mã số thuế> (số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, ¹ Xã/phường/đặc khu, tỉnh, thành phố.....), Tổ công tác ghi nhận kết quả xác minh thực tế như sau: (ghi kết quả xác minh)

.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP THUẾ CAM KẾT CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI ĐỊA CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ĐỊA CHỈ ĐÃ XÁC MINH THỰC TẾ⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu – nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND PHƯỜNG/XÃ/THỊ TRẤN XÁC NHẬN NỘI DUNG NÊU TẠI BIÊN BẢN NÀY LÀ ĐÚNG THỰC TẾ⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

(1) Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký/địa chỉ đề nghị khôi phục mã số thuế: Người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

¹ Cụm từ “Phường/Xã/Thị trấn” tại chi tiêu này được thay thế bằng cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

(2) Trường hợp người nộp thuế không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký/địa chỉ đề nghị khôi phục mã số thuế: Cơ quan chính quyền địa phương xác nhận kết quả xác minh vào Biên bản để cơ quan thuế có căn cứ xử lý tiếp theo quy định.

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-....(3).....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Căn cứ Biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày, Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế), thông báo:

Người nộp thuế

Mã số thuế/mã số doanh nghiệp, đơn vị cấp:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp.....

Ngành nghề kinh doanh chính:

Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:

Chức vụ: ...; CMND/CCCD/Hộ chiếu số:; ngày cấp:..... nơi cấp:

Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày ban hành Thông báo này. Người nộp thuế không được sử dụng hóa đơn và mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc thì mã số thuế của các đơn vị phụ thuộc đồng thời bị cơ quan thuế cập nhật trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế của đơn vị phụ thuộc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

Cơ quan thuế thông báo đề (4) được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- ...

- ...;

- Lưu: VT, TTKT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁵⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên

(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới

(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)

(4): Tên người nộp thuế

(5): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

DANH SÁCH

Đơn vị phụ thuộc bị cập nhật trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	Tên NNT	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
1				
2				
...				

DANH SÁCH

Mã số thuế nộp thay bị cập nhật trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
1			
2			
...			

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngàythángnăm....

THÔNG BÁO

**Về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục
chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính
quy định về đăng ký thuế;

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của ...(4)... mã số thuế ...(5)...
nộp ngày.../.../....

...(6)... thông báo mã số thuế ...(5)... được cập nhật về trạng thái “NNT
ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế”
từ ngày ban hành Thông báo này để cơ quan thuế và người nộp thuế thực hiện
các thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Đề nghị người nộp thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế, báo cáo tình hình sử
dụng hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi
hành, pháp luật về hóa đơn đến cơ quan thuế để thực hiện chấm dứt hiệu lực mã
số thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(6).....(7).....

Địa chỉ:(8).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo đề ...(4)... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT>;

- <Các bộ phận có liên quan:

Thanh tra kiểm tra, ...>;

- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên

(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới

(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)

(4): Tên người nộp thuế

(5): Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế của người nộp thuế

(6): Tên cơ quan thuế ban hành thông báo

(7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ

(8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo

(9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngàythángnăm....

THÔNG BÁO

Về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính
quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của(4).... mã số thuế
...(5)... nộp ngày .../.../....

<Đối với NNT trừ hộ, cá nhân kinh doanh thì ghi:>

...(6)... thông báo(4)...., địa chỉ ...(7)... chấm dứt hiệu lực mã số thuế
...(5)... từ ngày ban hành Thông báo này. Mã số thuế đã chấm dứt hiệu lực
không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế theo quy định của Luật Quản lý
thuế.

<Đối với hộ, cá nhân kinh doanh thì ghi:>

...(6)... thông báo(4)...., địa chỉ ...(7)... chấm dứt hiệu lực mã số thuế
...(5)... của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh từ ngày ban hành Thông báo này do
chấm dứt hoạt động kinh doanh. Mã số thuế của người đại diện hộ gia đình, cá
nhân kinh doanh vẫn được tiếp tục sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế khác của
cá nhân đó.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(6).....(8).....

Địa chỉ:(9).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để(4)... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan:
Thanh tra kiểm tra, ...>;
- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên người nộp thuế
 - (5): Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của người nộp thuế
 - (6): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (7): Địa chỉ của người nộp thuế
 - (8): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (9): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (10): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....(3).....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc các nghĩa vụ thuế phải hoàn thành trước khi khôi phục mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ của người nộp thuế nộp ngày

Cục Thuế/Chi cục Thuế:..... thông báo:

Người nộp thuế:

MST/MSDN:.....

1. Hồ sơ khai thuế còn phải nộp của người nộp thuế:

Mã số thuế (mã chính, mã nộp thay)	Tên hồ sơ	Mẫu	Kỳ tính thuế

2. Số tiền thuế còn phải nộp của người nộp thuế:

Mã số thuế (mã chính, mã nộp thay)	Tên Tiêu mục	Mã tiêu mục	Kỳ thuế	Số còn phải nộp

3. Các nghĩa vụ phải hoàn thành khác:

Đề nghị người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(4).....,(5).....

Địa chỉ:(6).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu VT, bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁷⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (5): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (6): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (7): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngàythángnăm....

THÔNG BÁO
Về việc khôi phục mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính
quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của(4)..... mã số thuế
.....(5)..... nộp ngày .../.../...

.....(6)..... thông báo khôi phục trạng thái hoạt động của mã số thuế
....(5)... cho.....(4)..... địa chỉ(7)..... kể từ ngày ban hành Thông báo này.
Lý do khôi phục mã số thuế:

.....(4)..... được phép sử dụng mã số thuế để kê khai, nộp thuế và các thủ
tục khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi
hành kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(6).....(8).....

Địa chỉ:(9).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo đề(4).... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;

- ...;

- Lưu VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên người nộp thuế
(5): Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của người nộp thuế
(6): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo
(7): Địa chỉ của người nộp thuế
(8): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(9): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
(10): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

Đăng ký thuế Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập:.....

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chi tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 7 đến 17. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu “địa chỉ thường trú”, “địa chỉ hiện tại” của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào các chỉ tiêu từ 10 đến 17.

3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 3; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong hợp thay đổi thông tin)	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
									Số nhà/đường phố	¹ Xã/phường/đặc khu	² Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố	Số nhà/đường phố	³ Xã/phường/đặc khu	⁴ Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1																					
2																					
...																					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Cụm từ “Xã/Phường” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³ Cụm từ “Xã/Phường” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁴ Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chi tiêu “Đăng ký thuế” hoặc “Thay đổi thông tin đăng ký thuế” tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.
2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chi tiêu 6 và không cần kê khai các chi tiêu 7, 8, 9, 10, 11. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu “địa chỉ thường trú”, “địa chỉ hiện tại” của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chi tiêu 10, 11.
3. Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế: Khai mã số thuế đã cấp cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân đã được cơ quan thuế thông báo sử dụng thay cho mã số thuế vào cột 5; các cột còn lại (trừ cột 2) cột nào có thông tin thay đổi mới khai, cột nào không có thông tin thay đổi thì để trống không khai.

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN

**Đăng ký <tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động
sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>**

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế (ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế):
 2. Mã số thuế:
 3. Địa chỉ trụ sở (ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế):
 4. Địa chỉ kinh doanh (ghi địa chỉ kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế):
 5. <Trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh>:
 - a) Thời gian tạm ngừng:
 - b) Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày .../.../...
 - c) Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày .../.../...
 - d) Lý do tạm ngừng hoạt động, kinh doanh:<Trường hợp tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>:
 - a) Thời điểm tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn: Ngày .../.../...
 - b) Lý do tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn:
- Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh
của cá nhân kinh doanh

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế (ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế):

2. Mã số thuế:

Thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh sau:

3. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh:.....

4. Lý do chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh:.....

.....
.....

5. Hồ sơ đính kèm:

.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN
Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Kính gửi:

- Tên người nộp thuế (ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở (ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã):
.....
- Địa chỉ kinh doanh (ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế):.....
- Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....
.....
.....
- Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN

Đề nghị khôi phục mã số thuế

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế (ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp):

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở (ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã):
.....

4. Địa chỉ kinh doanh (ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế):.....

5. Địa chỉ hiện tại (nếu khác địa chỉ đã đăng ký):

6. Lý do đề nghị khôi phục mã số thuế:

.....

.....

7. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

**Về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại
địa chỉ đã đăng ký**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

.....(4)..... thông báo,(5),(6)..... có dấu hiệu không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Cơ quan thuế đang tiến hành xác minh thực tế.

Trường hợp sau xác minh, đơn vị chủ quản được xác định không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký thì đơn vị phụ thuộc cũng đồng thời bị cập nhật trạng thái không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái của đơn vị chủ quản.

.....(4)..... thông báo cho(7)..... được biết./.

Nơi nhận:

- <NNT (7)>;
- <Tên cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc>;
-
- Lưu: VT, bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo
(5): Tên người nộp thuế là đơn vị chủ quản
(6): Mã số thuế của đơn vị chủ quản
(7): Tên người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc
(8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc chấp thuận/không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của(4)..... mã số thuế ...(5)... nộp ngày .../.../....

...(2)... thông báo(4)....., địa chỉ ...(6)... về kết quả xử lý hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo như sau:

<Trường hợp hồ sơ của NNT đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thuế ghi>

Người nộp thuế đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh từ ngày tháng ... năm ... đến ngày.... tháng ... năm ...

Lý do tạm ngừng.....

<Trường hợp hồ sơ của NNT không đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thuế ghi>

Người nộp thuế không được tạm ngừng hoạt động, kinh doanh, lý do:

.....

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....(7).....

Địa chỉ:(8).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT>;

-;

- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên người nộp thuế
 - (5): MST/MSDN của người nộp thuế
 - (6): Địa chỉ của người nộp thuế
 - (7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

**Về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải
thê/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính
quy định về đăng ký thuế;

Căn cứ hồ sơ của(4).... mã số doanh nghiệp/mã số hợp tác xã/mã số tổ
hợp tác/mã số hộ kinh doanh ...(5)... nộp ngày .../.../.... <Hoặc: Căn cứ giao dịch
thông báo giải thê/chấm dứt hoạt động đối với(4).... mã số doanh nghiệp/mã
số hợp tác xã/mã số tổ hợp tác/mã số hộ kinh doanh...(5)... của cơ quan đăng ký
kinh doanh/cơ quan đăng ký hợp tác xã chuyên đến cơ quan thuế ngày.../.../... >

...(2)... thông báo(4)...., địa chỉ ...(6)... đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế
với cơ quan thuế từ ngày .../.../.... Đề nghị người nộp thuế nộp hồ sơ <giải thê
/hồ sơ chấm dứt hoạt động> đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi người nộp thuế
đặt trụ sở theo quy định của <Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi
hành về đăng ký doanh nghiệp> <Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi
hành về đăng ký hợp tác xã> <Nghị định của Chính phủ về hộ kinh doanh>.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....(7).....

Địa chỉ:(8).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;
-
- Lưu: VT, Bp ban hành Thông báo.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên người nộp thuế
 - (5): MSĐN/mã số HTX/mã số tổ hợp tác/mã số hộ kinh doanh của người nộp thuế
 - (6): Địa chỉ của người nộp thuế
 - (7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....(3)....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật chuyên ngành khác và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

<Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc theo đơn vị chủ quản thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của(4)...., mã số thuế ...(5)... là đơn vị chủ quản của(6)....., nộp ngày.../.../.....

Ngày .../.../...., ... (7)... đã có thông báo tạm đóng mã số thuế của ...(6)... về trạng thái 03 “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản gửi cho người nộp thuế.

Cơ quan thuế yêu cầu ...(6)... nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động theo quy định.

<Trường hợp người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế thì sau khi nhận được thông báo/giao dịch chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã thì ghi:>

Căn cứ giao dịch thông báo/giao dịch chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã chuyển đến cơ quan thuế ngày .../.../....

Cơ quan thuế yêu cầu ...(8)... nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chia, sáp nhập, hợp nhất theo quy định.

<Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế theo Quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của cơ quan có thẩm quyền thì ghi:>

Căn cứ <Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận số ... ngày ... của hoặc giao dịch quyết định thu hồi của cơ quan đăng ký kinh doanh/cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền cho cơ quan thuế ngày .../.../...>.

Cơ quan thuế yêu cầu ...(8)... nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của ...

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(7)..... (9).....

Địa chỉ:(10).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT (6) hoặc (8)>;
- <Các bộ phận có liên quan:
Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (11)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên đơn vị chủ quản
 - (5): MST/MSDN của đơn vị chủ quản
 - (6): Tên đơn vị phụ thuộc nhận Thông báo
 - (7): Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo/ CQT quản lý đơn vị chủ quản
 - (8): Tên người nộp thuế nhận Thông báo
 - (9): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (10): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (11): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN

**Đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế
nơi người nộp thuế chuyển đến**

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế (ghi theo đăng ký thuế):
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở (ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế):
.....
4. Địa chỉ kinh doanh (ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh,
cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế):.....
5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
 - a) Tên:.....
 - b) Mã số thuế của đại lý thuế:
 - c) Số hợp đồng đại lý thuế:.....ngày ký hợp đồng:.....
6. Lý do đăng ký chuyển địa điểm:
-
-
7. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN

Đăng ký hủy chuyển địa điểm

Kính gửi:

1. Tên người nộp thuế (ghi theo đăng ký thuế):
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính (ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế):
.....
4. Địa chỉ kinh doanh (ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh,
cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế):.....
5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
 - a) Tên:.....
 - b) Mã số thuế:
 - c) Số hợp đồng đại lý thuế: ngày ký hợp đồng:
6. Hồ sơ chuyển địa điểm dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý nộp cho cơ
quan thuế ngày, mã giao dịch điện tử (nếu có) số
7. Lý do đề nghị hủy chuyển địa điểm:

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng
dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá
nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào
văn bản này.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....(3).....

....., ngày.....tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

<Trường hợp NNT nộp hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trực tiếp tại CQT thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh của(4)...., mã số thuế(5).... nộp ngày.../.../....

Cơ quan thuế đã cập nhật mã số thuế của <đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> về trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo trạng thái của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo danh sách kèm theo).

Mã số thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....

<Trường hợp nhận được văn bản/giao dịch tạm ngừng hoạt động, kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ghi:>

Căn cứ văn bản/giao dịch của <tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> gửi đến cơ quan thuế ngày ../.../... về tạm ngừng hoạt động, kinh doanh của(4)...., mã số thuế(5)....

Cơ quan thuế đã cập nhật mã số thuế của <đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> về trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo trạng thái của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo danh sách kèm theo).

Mã số thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT, CQT nhận thông báo>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;
-;
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên đơn vị chủ quản
 - (5): MST/MSDN của đơn vị chủ quản
 - (6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

DANH SÁCH

Đơn vị phụ thuộc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	Tên NNT	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh
1				
2				
...				

DANH SÁCH

Mã số thuế nộp thay tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh
1			
2			
...			

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....(3).....

....., ngày.....tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

<Trường hợp người nộp thuế nộp văn bản đăng ký tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn trực tiếp tại CQT thì ghi:>

Căn cứ văn bản đăng ký tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của(4)...., mã số thuế(5).... nộp ngày.../.../.....

Cơ quan thuế đã cập nhật mã số thuế của <đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế được tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo danh sách kèm theo) ngày .../.../... (ngày mã số thuế của đơn vị chủ quản được tiếp tục hoạt động).

Người nộp thuế được sử dụng mã số thuế để kê khai, nộp thuế và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của Luật Quản lý thuế từ ngày mã số thuế được tiếp tục hoạt động trở lại.

<Trường hợp nhận được văn bản/giao dịch tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ghi:>

Căn cứ văn bản/giao dịch của <tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> gửi đến cơ quan thuế ngày ../.../... về tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh của(4)...., mã số thuế(5)....

Cơ quan thuế đã cập nhật mã số thuế của <đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế được tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời

hạn theo danh sách kèm theo) ngày .../.../... (ngày mã số thuế của đơn vị chủ quản được tiếp tục hoạt động).

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT có trong danh sách, CQT quản lý NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-;
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên đơn vị chủ quản
 - (5): MST/MSDN của đơn vị chủ quản
 - (6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
 - (8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

DANH SÁCH

Đơn vị phụ thuộc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	Tên người nộp thuế	CQT trực tiếp quản lý
1			
2			
...			

DANH SÁCH

Mã số thuế nộp thay tự động hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST	CQT trực tiếp quản lý
1		
2		
...		

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....(3).....

....., ngày.....tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

<Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc, mã số thuế nộp thay theo hồ sơ của đơn vị chủ quản thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của(4)...., mã số thuế ...(5)... là đơn vị chủ quản của(6)....., nộp ngày.../.../.....

Cơ quan thuế đã tạm đóng mã số thuế <của đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> về trạng thái 03 “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” theo trạng thái của đơn vị chủ quản từ ngày .../.../... (chi tiết mã số thuế bị đóng theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

<Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc, mã số thuế nộp thay theo Quyết định/giao dịch thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đơn vị chủ quản thì ghi:>

Căn cứ Quyết định/giao dịch thu hồi Giấy chứng nhận số ... ngày ... của hoặc Giao dịch quyết định thu hồi của < cơ quan đăng ký kinh doanh/cơ quan đăng ký hợp tác xã >.

Cơ quan thuế đã tạm đóng mã số thuế <của đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> về trạng thái 03 “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” theo trạng thái của đơn vị chủ quản từ ngày .../.../... (chi tiết mã số thuế bị đóng theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

<Trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc, mã số thuế nộp thay theo Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án đối với đơn vị chủ quản là doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi:>

Căn cứ Quyết định tuyên bố phá sản số ... ngày ... của ... gửi đến cơ quan thuế ngày .../.../....

Cơ quan thuế đã tạm đóng mã số thuế <của đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> của người nộp thuế về trạng thái 03 “NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế” theo đơn vị chủ quản từ ngày .../.../... (chi tiết mã số thuế bị đóng theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....,(7).....

Địa chỉ:(8).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT có trong danh sách, CQT quản lý NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-;
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên đơn vị chủ quản
 - (5): Mã số thuế đơn vị chủ quản
 - (6): Tên đơn vị phụ thuộc
 - (7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
 - (9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

**DANH SÁCH
ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CHẤM DỨT HIỆU LỰC THEO ĐƠN VỊ CHỦ
QUẢN**

(Kèm theo Thông báo số ... ngày ... của ...)

STT	MST của đơn vị phụ thuộc	Tên người nộp thuế	Ngày mã số thuế được đóng	CQT trực tiếp quản lý
1				
2				
...				

**DANH SÁCH
MÃ SỐ THUẾ NỘP THAY CHẤM DỨT HIỆU LỰC THEO ĐƠN VỊ CHỦ
QUẢN**

(Kèm theo Thông báo số ... ngày ... của ...)

STT	MST	Ngày mã số thuế được đóng	CQT trực tiếp quản lý
1			
2			
...			

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....(3).....

....., ngày.....tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi đi của người nộp thuế có mã giao dịch điện tử (nếu có).... nộp ngày .../.../....;

Căn cứ văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm số ... của người nộp thuế nộp ngày .../.../....

Cơ quan thuế thông báo ...(4)..., mã số thuế ...(5)... được chấp thuận hủy chuyển địa điểm. Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế và các thủ tục khác đến ...(2)... theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

.....(2).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT, CQT nhận thông báo>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên người nộp thuế
 - (5): Mã số thuế của người nộp thuế
 - (6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
 - (8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....(3).....

....., ngày.....tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc khôi phục mã số thuế theo đơn vị chủ quản

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế(4)...., của(5)...., nộp ngày.../.../.....

Cơ quan thuế khôi phục trạng thái hoạt động cho mã số thuế <đơn vị phụ thuộc>, <mã số thuế nộp thay> theo trạng thái đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế được khôi phục theo danh sách kèm theo).

Mã số thuế được khôi phục từ ngày .../.../.... Người nộp thuế được phép sử dụng mã số thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế kể từ ngày ghi trên Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(5).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT có trong danh sách, CQT quản lý NNT>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên

(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo

(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)

(4): Mã số thuế của đơn vị chủ quản

(5): Tên đơn vị chủ quản

(6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ

(7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo

(8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

DANH SÁCH

Đơn vị phụ thuộc khôi phục mã số thuế theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST của đơn vị phụ thuộc	Tên NNT	CQT trực tiếp quản lý
1			
2			
...			

DANH SÁCH

Mã số thuế nộp thay khôi phục theo đơn vị chủ quản
(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày .../.../... của Cục Thuế/Chi cục Thuế...)

STT	MST nộp thay	CQT trực tiếp quản lý
1		
2		
...		

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....(3)....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế không được khôi phục mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Căn cứ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của(4).... mã số thuế ... (5) ... nộp ngày .../.../...

.....(2)..... thông báo ... (5) ... của ... (4) ... không được khôi phục, lý do: <.....>.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-;
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/CQT ban hành Thông báo
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên người nộp thuế
(5): Mã số thuế/MSDN
(6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế nơi ban hành Thông báo
(8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Người nộp thuế có trách nhiệm nộp hết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ hoặc được bù trừ số tiền thuế, tiền phạt còn nộp thừa, số tiền thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau nêu trên với số phát sinh của lần tiếp theo.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

.....(2).....,(6).....

Địa chỉ:(7).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế và cơ quan thuế có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <NNT, CQT nhận thông báo>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra, ...>;
-
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/ CQT ban hành Thông báo
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên NNT nhận nghĩa vụ thuế
 - (5): MST của NNT nhận nghĩa vụ thuế
 - (6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư <hoặc không cấp MST cho cá nhân/người phụ thuộc> đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Thông tư số 86/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký thuế mẫu số ... của ...(4)... mã số thuế ...5).....địa chỉ ... (6) nộp ngày.../.../....

Cơ quan thuế thông báo danh sách các cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư <hoặc không được cấp mã số thuế> như sau:

ST T	Họ và tên	Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ hiện tại	Lý do
1							
2							
3							
...							

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo cho từng cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập có thông tin bị trùng lặp hoặc sai sót nêu tại cột lý do theo danh sách nêu trên được biết để sửa đổi, bổ sung thông tin theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....(7).....

Địa chỉ:(8).....

Số điện thoại:

Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Người nộp thuế>;
- Lưu: VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1): Tên cơ quan thuế cấp trên
 - (2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
 - (3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
 - (4): Tên người nộp thuế
 - (5): MST/MSDN của người nộp thuế
 - (6): Địa chỉ của người nộp thuế
 - (7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
 - (8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
 - (9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ THUẾ

Đăng ký thuế lần đầu

Thay đổi thông tin đăng ký thuế

Tên tôi là:

Mã số thuế đã được cấp <ghi trong trường hợp thay đổi thông tin>: ...

<1. Đối với đăng ký thuế lần đầu thì ghi:>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho <tên cơ quan chi trả thu nhập>, mã số thuế <mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập> đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

<a) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc với cá nhân	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)

<b) Đối với cá nhân/người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài:>

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Thông tin Hộ chiếu			Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ của người phụ thuộc với cá nhân	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Tiếp tục tính giảm trừ (tháng/năm)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số nhà/đường/phố	¹ Xã/phường/đặc khu	² Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/đường/phố	³ Xã/phường/đặc khu	⁴ Được bãi bỏ	Tỉnh, thành phố					

<2. Đối với thay đổi thông tin đăng ký thuế thì ghi:>

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho <tên cơ quan chi trả thu nhập>, mã số thuế <mã số thuế của cơ quan chi trả thu nhập> đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> với các thông tin như sau:

Họ và tên	Mã số thuế	Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đăng ký thuế của tôi <hoặc người phụ thuộc của tôi> trên giấy ủy quyền này./.

..., ngày...tháng... năm...

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cụm từ “Xã/Phường” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

² Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

³ Cụm từ “Xã/Phường” tại chỉ tiêu này được thay thế bởi cụm từ “Xã/phường/đặc khu” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

⁴ Cụm từ “Quận/ Huyện” tại chỉ tiêu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 40/2025/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025